

Bản tin

KHUYẾN NÔNG

KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN

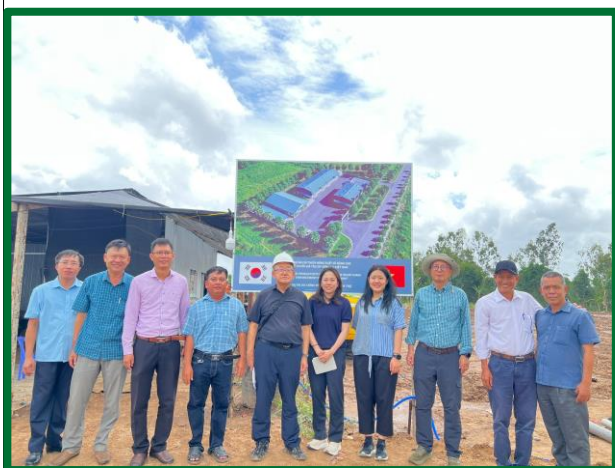
“NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ TĂNG CƯỜNG CHUỖI GIÁ TRỊ VÙNG TÂY VIỆT NAM”
베트남 참깨 가치사슬 강화사업 시작



Số 1
2026

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP

Một số hình ảnh hoạt động nông nghiệp



Bàn giao mặt bằng Dự án “Nâng cao năng suất và tăng cường chuỗi giá trị vùng tại Việt Nam”



Lễ hội Sen lần III năm 2026 tỉnh Đồng Tháp



Lễ hội trái cây lần I năm 2026 tỉnh Đồng Tháp



Đại hội đại biểu Hội nông dân tỉnh Đồng Tháp lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030



Trao đổi tình hình sản xuất sầu riêng tại xã Mỹ Thành



Lễ ký kết giữa Ngân hàng Nhà nước và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp

BẢN TIN KHUYẾN NÔNG ĐỒNG THÁP

*Ở đâu có nông dân, ở
đó có khuyến nông*

BAN BIÊN TẬP:

- Lê Chí Thiện, PGD Sở
NN&MT – Trưởng ban
- Nguyễn Tấn Quốc, GD
TTKN&DVNN – Phó trưởng
ban
- Lê Hoàng Anh, PGD
TTKN&DVNN – Thành viên
- Hà Thanh Hải, TP HCTH
TTKN&DVNN – Thành viên
- Đỗ Khánh Linh, TP KN
TTKN&DVNN – Thành viên
- Nguyễn Trí Tuệ, PTP KN -
Thành viên
- Nguyễn Thành Phát, viên
chức – Thư ký

Trụ sở: Trung tâm Khuyến
nông và Dịch vụ nông nghiệp
Địa chỉ: Khu phố Trung
Lương, phường Trung An, tỉnh
Đồng Tháp

ĐỊNH HƯỚNG – CHÍNH SÁCH – KHUYẾN NÔNG

- ❖ Đồng Tháp kỳ vọng phát triển chuỗi giá trị ngành hàng vùng 1
- ❖ Từ kinh tế nông nghiệp đến nông nghiệp sinh thái - tầm nhìn mới của Đồng Tháp đến năm 2030 3
- ❖ Đổi mới công tác khuyến nông - động lực phát triển nền nông nghiệp xanh và hiện đại 6
- ❖ Công tác khuyến nông trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp 8
- ❖ Từ “dự án vùng” đến những định hướng mới trong phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 11

KHOA HỌC KỸ THUẬT – CƠ GIỚI HÓA – CHUYỂN ĐỔI SỐ

- ❖ Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp - Giải pháp nâng cao năng suất, giảm chi phí, thích ứng biến đổi khí hậu 13
- ❖ Cơ giới hóa gắn với tổ chức sản xuất tập trung quy mô lớn tại hợp tác xã ở Đồng Tháp 15
- ❖ Chuyển đổi số trong khuyến nông từ nhật ký điện tử đến truy xuất nguồn gốc nông sản 18
- ❖ Dữ liệu nông nghiệp Đồng Tháp: từ quy chế chia sẻ đến nền tảng phục vụ sản xuất 23
- ❖ Ứng dụng công cụ số CABI trong quản lý sâu bệnh hại dừa 27

SẢN XUẤT XANH – NÔNG NGHIỆP SINH THÁI – MÔ HÌNH HIỆU QUẢ

- ❖ Đẩy mạnh nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với nâng cao thu nhập cho nông dân 30
- ❖ Đồng Tháp triển khai MRV, từng bước lượng hóa hiệu quả giảm phát thải trên đồng ruộng 32
- ❖ An toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp: từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế xanh và bền vững 35
- ❖ Dấu ấn 03 năm phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Đồng Tháp 39
- ❖ Mô hình sản xuất lúa sinh thái tại xã Tràm Chim – Kết quả và khả năng nhân rộng 42
- ❖ Hội thảo Phát triển chăn nuôi gia cầm bền vững và hiệu quả 44
- ❖ Chủ động thả giống cho mô hình sinh kế mùa lũ thuộc dự án WWF-Việt Nam 46
- ❖ Mô hình nuôi ốc bươu đen – hướng phát triển sinh kế bền vững tại xã Tràm Chim 48

THỊ TRƯỜNG – LIÊN KẾT SẢN XUẤT – OCOP

- ❖ Khai thông mã số vùng trồng để nâng tầm giá trị cây sen trên đất vùng biên 50
- ❖ Nâng cao chất lượng nông sản Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu thị trường Trung Quốc 52

DU LỊCH NÔNG NGHIỆP - GIÁ TRỊ NÔNG THÔN

- ❖ Du lịch nông nghiệp Đồng Tháp - khi ruộng đồng, vườn cây trở thành điểm đến 55
- ❖ Nông nghiệp Thới Sơn - gắn liền với du lịch sinh thái 57

NGƯỜI NÔNG DÂN – HỌC TẬP KINH NGHIỆM

- ❖ Người nông dân chuyên nghiệp góp sức dựng xây quê hương 59
- ❖ Khuyến nông Đồng Tháp: đồng hành cùng nhà nông tiếp cận công nghệ tiên tiến tại triển lãm quốc tế năm 2026 60

ĐỒNG THÁP KỶ VONG PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ NGÀNH HÀNG VỪNG

 **Lê Chí Thiện - Sở NN&MT**



Ông Lê Chí Thiện - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phát biểu tại Hội nghị khởi động Dự án vùng tại Hà Nội

Ngày 8/5/2026, tại Hội nghị Khởi động Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Nâng cao năng suất và tăng cường chuỗi giá trị vùng tại Việt Nam”, tỉnh Đồng Tháp khẳng định sự quan tâm và kỳ vọng vào việc phục hồi, phát triển ngành hàng vùng theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ.

Dự án do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với các đối tác Hàn Quốc triển khai, với sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp, hợp tác xã và địa phương. Đây được xem là cơ hội để Đồng Tháp tiếp cận thêm các giải pháp kỹ thuật, công nghệ chế biến và phương thức tổ chức sản xuất phù hợp với yêu cầu phát triển ngành hàng trong giai đoạn mới.

Từ cây trồng truyền thống đến yêu cầu tái tổ chức ngành hàng

Đồng Tháp có nền nông nghiệp đa dạng, trong đó cây vùng từng là một trong những cây trồng có vị trí đáng kể trong cơ cấu sản xuất của tỉnh. Năm 2016, diện tích gieo trồng vùng của tỉnh đạt hơn 8.500 ha; có thời điểm lợi nhuận từ cây vùng cao gấp 2 - 3 lần so với cây lúa.

Tuy nhiên, những năm gần đây diện tích vùng giảm nhanh. Một số nguyên nhân chủ yếu là thiếu lao động, mức độ cơ giới hóa còn thấp,

nguồn giống chưa được cải thiện đồng bộ, công nghệ chế biến còn hạn chế và liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ chưa ổn định.

Thực tế trên cho thấy ngành hàng vùng đang đứng trước nhiều khó khăn, nhưng đồng thời cũng còn dư địa lớn để tổ chức lại sản xuất. Thay vì chỉ tập trung vào mở rộng diện tích, yêu cầu đặt ra là xây dựng vùng nguyên liệu phù hợp, nâng cao năng suất và chất lượng, đẩy mạnh cơ giới hóa, phát triển chế biến và hình thành liên kết ổn định với thị trường. Đây cũng là định hướng mà Dự án “Nâng cao năng suất và tăng cường chuỗi giá trị vùng tại Việt Nam” hướng đến.

Hướng đến chuỗi giá trị từ giống, sản xuất đến chế biến

Một trong những điểm đáng chú ý của dự án là cách tiếp cận theo chuỗi giá trị, không chỉ hỗ trợ kỹ thuật canh tác mà còn quan tâm đến các khâu giống, sản xuất, cơ giới hóa, chế biến và thị trường.

Theo đó, dự án dự kiến hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn chế biến nông sản (APC), khu trình diễn nhân giống vùng, hệ thống ép dầu, chiết rót, đóng gói và định hướng vận hành theo mô hình hợp tác công - tư (PPP).

Đây là những nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế của Đồng Tháp trong quá trình khôi phục ngành hàng vùng. Việc đầu tư cho khâu chế biến được kỳ vọng sẽ góp phần chuyển từ tiêu thụ nguyên liệu sang phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, qua đó mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Cùng với đó, việc xây dựng vùng nguyên liệu ổn định sẽ tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động nguồn nguyên liệu, hợp tác xã tổ chức sản xuất theo yêu cầu thị trường và nông dân có đầu ra ổn định hơn.

Phát huy vai trò hợp tác xã trong chuỗi ngành hàng

Để ngành hàng vùng phát triển bền vững, tổ chức lại sản xuất và phát huy vai trò của hợp tác xã được xác định là một trong những nội dung quan trọng.

Đồng Tháp đang định hướng nghiên cứu xây dựng mô hình hợp tác xã chuyên sâu về ngành hàng vùng, trong đó có Hợp tác xã Phương Trà và Hợp tác xã Ba Sao. Đây có thể là lực lượng nòng cốt trong tổ chức vùng nguyên liệu, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật, phối hợp cơ giới hóa, kiểm soát chất lượng và liên kết với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ.

Trong quá trình triển khai, ngành khuyến nông sẽ có vai trò quan trọng trong việc kết nối chuyên gia, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đào tạo nông dân, hỗ trợ hợp tác xã xây dựng năng lực quản lý sản xuất và từng bước hình thành liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi.

Mục tiêu không chỉ là tạo ra một mô hình sản xuất có hiệu quả mà hướng đến khả năng nhân rộng mô hình và hình thành chuỗi ngành hàng có tổ chức.

Gắn phát triển ngành hàng với kinh tế tuần hoàn

Bên cạnh nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm, dự án còn mở ra hướng tiếp cận về sử dụng hiệu quả phụ phẩm trong quá trình chế biến.

Đồng Tháp định hướng nghiên cứu tận dụng bã vừng sau ép dầu làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; đồng thời nghiên cứu sử dụng thân, lá và các phụ phẩm khác để ủ phân hữu cơ hoặc sản xuất phân bón sinh học. Dầu vừng cũng có thể tiếp tục được nghiên cứu phát triển thành các sản phẩm có giá trị gia tăng trong lĩnh vực thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm.

Việc tận dụng phụ phẩm theo hướng tuần hoàn sẽ góp phần giảm chất thải, tiết kiệm tài nguyên, giảm chi phí đầu vào và gia tăng giá trị trên cùng một đơn vị nguyên liệu. Đây là hướng phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh của tỉnh.

Tạo nền tảng phát triển ngành hàng trong thời gian tới

Thông qua Dự án, Đồng Tháp kỳ vọng từng bước xây dựng lại ngành hàng vùng theo hướng có vùng nguyên liệu, có hợp tác xã tổ chức sản xuất, có doanh nghiệp tham gia chế biến và có thị trường tiêu thụ.

Giai đoạn 2025 - 2027 sẽ là thời gian quan trọng để triển khai các mô hình, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật, tổ chức sản xuất. Tuy nhiên, hiệu quả lâu dài của dự án sẽ được thể hiện ở khả năng duy trì, nhân rộng mô hình sau khi dự án kết thúc.

Với sự phối hợp giữa Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các đối tác Hàn Quốc, ngành chuyên môn, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân, ngành hàng vùng Đồng Tháp có thêm cơ hội tiếp cận kỹ thuật mới, công nghệ chế biến và phương thức tổ chức sản xuất hiện đại.

Đây không chỉ là cơ hội phục hồi một cây trồng truyền thống mà còn là hướng mở để đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo thêm sản phẩm giá trị gia tăng và góp phần phát triển nông nghiệp xanh, bền vững trên địa bàn tỉnh./.

TỪ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP ĐẾN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI - TẦM NHÌN MỚI CỦA ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030

 Trần Văn Toàn – Phòng Khuyến nông

CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ TỪ “SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP” SANG “KINH TẾ NÔNG NGHIỆP” VÀ TIẾN TỚI “NÔNG NGHIỆP SINH THÁI”

Từ những cánh đồng lúa chín vàng thẳng cánh cò bay đến những đầm sen ngát hương đã trở thành biểu tượng, Đồng Tháp không chỉ là vựa nông - thủy sản trọng điểm của miền Tây mà còn là “phòng thí nghiệm sinh động” cho những tư duy nông nghiệp đổi mới. Tiếp nối chặng đường bứt phá của giai đoạn 2021–2025, Đất Sen Hồng hôm nay đang đứng trước một sứ mệnh lịch sử mới: Tiên phong mở đường cho nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và những người nông dân chuyên nghiệp của thời đại số.

Trên những cánh đồng, vườn cây và vùng nuôi thủy sản của Đồng Tháp, yêu cầu đặt ra ngày nay không chỉ là làm ra nhiều sản phẩm hơn. Người sản xuất còn phải tính đến chi phí, chất lượng, thị trường, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và việc gìn giữ tài nguyên cho những mùa vụ tiếp theo.

Đó là bước chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp - từ mục tiêu tăng sản lượng sang tạo lập giá trị bền vững.

Một tầm nhìn - ba trụ cột

Đồng Tháp quyết tâm chuyển đổi phương thức sản xuất hướng tới mô hình nông nghiệp sinh thái đa giá trị, tăng trưởng xanh, ít phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tầm nhìn mới được đặt trên ba trụ cột: nông nghiệp sinh thái tạo giá trị; nông thôn hiện đại, đáng sống; và nông dân văn minh, chuyên nghiệp, thực sự làm chủ quá trình phát triển.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Đồng Tháp đã ghi dấu ấn đậm nét với những bước phát triển vượt bậc trong ngành nông nghiệp, khẳng định vị thế trung tâm sản xuất và xuất khẩu nông - thủy sản trọng điểm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt đạt 622,6 nghìn ha (lúa đạt 615,2 nghìn ha, sản lượng đạt 4 triệu tấn), sản lượng thu hoạch trái cây ăn quả đạt 2,5 triệu tấn, đàn bò có 164,9 nghìn con, đàn heo có 472 nghìn con, tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đạt 01 triệu tấn, Giá trị GRDP (giá hiện hành) khu vực Nông - lâm - thủy sản đạt 100.234 tỷ đồng vào năm 2025 [1]. Tuy nhiên, vị thế ấy chỉ có thể được củng cố lâu dài khi tăng trưởng đi cùng hiệu quả, môi trường và thu nhập bền vững của người dân.

Ngày 04/8/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định ban hành Đề án “Xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh đến năm 2030”.

Đây không chỉ là định hướng cho riêng ngành nông nghiệp, mà còn là cách Đồng Tháp tổ chức lại không gian phát triển nông thôn, nâng cao năng lực người nông dân và khai thác giá trị đa dụng của tài nguyên bản địa.

[1] Theo Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 19/08/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2025 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

Đề án đặt ra những đích đến cụ thể: phân đầu trên 80% diện tích canh tác nông nghiệp và thủy sản áp dụng kỹ thuật canh tác bền vững, giảm phát thải; 80% phụ phẩm rơm rạ và phụ phẩm thủy sản được tái sử dụng hoặc xử lý theo hướng tuần hoàn, thân thiện với môi trường. Đây là những con số cho thấy nông nghiệp sinh thái không phải khẩu hiệu, mà phải được đo bằng sự thay đổi trên đồng ruộng, trong vùng nuôi và trong từng chuỗi ngành hàng.

Trước hết, áp dụng các nguyên tắc sinh thái toàn diện: Tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên đất, nước; tái chế phụ phẩm nông nghiệp (như rơm rạ, phụ phẩm thủy sản) và giảm thiểu hóa chất công nghiệp. Mỗi đầu vào được tiết giảm, mỗi phụ phẩm được quay lại chu trình sản xuất đều góp phần giảm chi phí và mở thêm giá trị.

Cùng với đó là thực hành canh tác tiên tiến: Nhân rộng các quy trình canh tác phát thải thấp trong Đề án 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao, các mô hình Nông - Lâm kết hợp, Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), canh tác hữu cơ và ứng dụng công nghệ thông minh (tưới tiết kiệm, drone, cơ giới hóa đồng bộ).

Quan trọng hơn, vùng nguyên liệu phải được vận hành theo chuỗi liên kết nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp; sản xuất gắn với tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc, chế biến, logistics và thị trường. Chỉ khi sản phẩm đi được xa hơn, ổn định hơn và người nông dân nhận được phần giá trị xứng đáng hơn, chuyển đổi sinh thái mới thực sự bền vững.

Từ mô hình cụ thể đến giá trị đa dụng

Đa dạng hóa kinh tế và cảnh quan: Kết hợp sản xuất nông nghiệp với du lịch sinh thái, phát huy di sản văn hóa ẩm thực địa phương và giá trị đặc hữu từ hệ sinh thái sen, sông nước Đồng Tháp Mười. Trên cùng một không gian nông thôn, giá trị không chỉ đến từ nông sản mà còn từ trải nghiệm, cảnh quan, văn hóa cộng đồng và tri thức bản địa.

Những nền tảng ấy đã hiện diện ở nhiều nơi như: Mô hình Làng hoa kiểng Sa Đéc kết hợp du lịch trải nghiệm (*du khách đi xuống len lỏi giữa các luống hoa, tham gia chiết cành, chăm sóc hoa, check-in điểm du lịch nông trại và mua sắm sản phẩm OCOP*), Mô hình Cây xoài nhà tôi (*du khách sở hữu/thuê cây xoài theo năm, theo dõi quy trình chăm sóc qua mạng, trực tiếp đến vườn tự tay thu hoạch trái và thưởng thức ẩm thực từ xoài*), Mô hình trồng Sen kết hợp khai thác dịch vụ du lịch và trải nghiệm ẩm thực (*du khách chèo xuồng giữa đồng sen rộng lớn, chụp ảnh, tự tay hái sen, chế biến và thưởng thức các món ăn, trà sen đạt chuẩn OCOP*), Chương trình trải nghiệm nông nghiệp du lịch học đường,...

Nông thôn hiện đại - Môi trường sống đáng trải nghiệm

Xây dựng khu vực nông thôn Đồng Tháp trở thành nơi phát triển toàn diện, có điều kiện sống và thu nhập tiệm cận với đô thị. Hiện đại không đồng nghĩa với đô thị hóa nông thôn, mà là hạ tầng được kết nối đồng bộ, dịch vụ thiết yếu thuận tiện, môi trường sống an toàn, cảnh quan được gìn giữ và bản sắc địa phương tiếp tục được phát huy.

Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới giao thông, điện, nước sạch và hạ tầng công nghệ thông tin, nhân rộng các mô hình "Làng thông minh", đưa sản phẩm OCOP lên các nền tảng thương mại điện tử, duy trì cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phát huy các thiết chế văn hóa cộng đồng.

Nông dân văn minh – Chủ thể của sự phát triển

Hình ảnh "Người nông dân chuyên nghiệp" Đồng Tháp với phẩm chất "Nghĩa tình – Năng động – Sáng tạo" tiếp tục là trung tâm của chính sách. Đề án phân đầu 100% hội viên nông dân được tiếp cận đào tạo về công nghệ số, kỹ thuật canh tác hiện đại và kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử. Người nông dân vì thế không chỉ tiếp nhận kỹ thuật, mà còn phải hiểu tiêu chuẩn, biết tính toán hiệu quả, chủ động liên kết và thích ứng với biến động thị trường.

Phát huy hiệu quả mô hình "Hội quán", Hợp tác xã kiểu mới và các mô hình tự quản, giúp nông dân chủ động liên kết, hợp tác làm giàu bền vững. Từ nền tảng cộng đồng ấy, tri thức mới có thể lan tỏa nhanh hơn, vùng nguyên liệu được tổ chức tốt hơn và mối liên kết với doanh nghiệp trở nên bền chặt hơn.

Khuyến nông - cầu nối đưa tầm nhìn vào cuộc sống

Để những mục tiêu của Đề án trở thành thay đổi cụ thể, hệ thống khuyến nông phải giữ vai trò kết nối: đưa khoa học công nghệ đến đúng nhu cầu sản xuất; hỗ trợ nông dân, hợp tác xã tổ chức lại quy trình; kết nối chuyên gia, doanh nghiệp và thị trường; đồng thời giúp các mô hình hiệu quả được đánh giá, chuẩn hóa và nhân rộng. Khuyến nông không chỉ chuyển giao một quy trình kỹ thuật, mà phải đồng hành cùng người dân trong toàn bộ hành trình tạo ra giá trị.

Với sự đồng lòng của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể bà con nông dân, Đồng Tháp tự tin hành trình trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu - nơi nông nghiệp tăng trưởng xanh, nông thôn trở thành nơi đáng sống và nông dân thực sự làm chủ tương lai của mình. Chặng đường đến năm 2030 sẽ được đo không chỉ bằng các chỉ tiêu hoàn thành, mà bằng những cánh đồng sử dụng ít đầu vào hơn, những phụ phẩm được tái sinh thành giá trị, những cộng đồng nông thôn năng động hơn và đời sống người nông dân ngày một tốt hơn./.

Cán bộ khuyến nông hướng dẫn nông dân ghi chép nhật ký sản xuất điện tử từ điện thoại thông minh





KHUYẾN NÔNG ĐỒNG THÁP 2026 - 2030: TỪ CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT ĐẾN DỊCH VỤ ĐỒNG HÀNH

Tri Tuệ - Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp

Không chỉ dừng ở hướng dẫn nông dân sản xuất đúng kỹ thuật, Chương trình Khuyến nông tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030 đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ theo hướng tư vấn, hỗ trợ tổ chức sản xuất, liên kết thị trường và phát triển chuỗi giá trị. Đây là bước chuyển từ “chuyển giao kỹ thuật” sang “đồng hành phát triển kinh tế nông nghiệp”, góp phần xây dựng nền nông nghiệp xanh, hiện đại và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ngày 09/7/2026, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 2126/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình Khuyến nông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030. Đây là cơ sở quan trọng để đổi mới hoạt động khuyến nông, gắn khoa học công nghệ, chuyển đổi số, nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn và sản xuất phát thải thấp với thực tiễn sản xuất.

Từ “chuyển giao kỹ thuật” sang “đồng hành”

Điểm cốt lõi của Chương trình là thay đổi cách tiếp cận. Người làm khuyến nông không chỉ hướng dẫn quy trình sản xuất mà còn hỗ trợ tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản trị cho hợp tác xã.

Trong sản xuất hàng hóa, năng suất không còn là yếu tố duy nhất quyết định hiệu quả. Nông sản phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn, minh bạch nguồn gốc, giảm phát thải và có thị trường ổn định. Vì vậy, hoạt động khuyến nông được định hướng tham gia sâu hơn vào quá trình từ kỹ thuật - tổ chức sản xuất - dịch vụ - liên kết - thị trường.

Chương trình cũng định hướng hoạt động khuyến nông theo 05 phân vùng kinh tế nông nghiệp của tỉnh: vùng kinh tế nông nghiệp biên giới; vùng sinh thái Đồng Tháp Mười; vùng trung tâm dọc sông Tiền; vùng trung tâm dọc sông Hậu và vùng kinh tế nông nghiệp biển.

Qua đó, các mô hình và dự án khuyến nông được lựa chọn phù hợp với lợi thế từng vùng, từng ngành hàng, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị.

Khuyến nông cộng đồng làm cầu nối tại cơ sở

Trong quá trình đổi mới, khuyến nông cộng đồng được xác định là lực lượng quan trọng đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường và các giải pháp mới đến gần nông dân.

Tổ khuyến nông cộng đồng góp phần kết nối cơ quan quản lý - nhà khoa học - doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân, hỗ trợ tổ chức sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu, áp dụng quy trình tiên tiến, truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số.

Trong đó, nông dân là chủ thể sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp là hạt nhân liên kết, hệ thống khuyến nông giữ vai trò tư vấn, đồng hành và kết nối nguồn lực. Đây là nền tảng để hoạt động khuyến nông ở cơ sở chuyển từ truyền đạt thông tin sang cung cấp dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất.

Mô hình khuyến nông phải hướng đến chuỗi giá trị

Giai đoạn 2026 - 2030, Chương trình dự kiến xây dựng 55 mô hình trình diễn kỹ thuật và triển khai 07 dự án khuyến nông. Các mô hình tập trung vào những ngành hàng chủ lực như lúa gạo chất lượng cao, cây ăn trái, rau màu, hoa kiểng, chăn nuôi và thủy sản; ưu tiên công nghệ cao, VietGAP, hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và chuyển đổi số.

Điểm quan trọng không chỉ là số lượng mô hình mà là khả năng tạo hiệu quả và nhân rộng. Mỗi mô hình cần gắn với tổ chức sản xuất, dịch vụ đầu vào, doanh nghiệp, logistics và thị trường tiêu thụ; qua đó giúp nông dân giảm chi phí, nâng cao chất lượng, tăng giá trị sản phẩm và thu nhập.

Đáng chú ý, dự án nhân rộng mô hình “Canh tác lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh” góp phần triển khai Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Các chỉ tiêu chính gắn với hiệu quả thực chất. Trong giai đoạn 2026 – 2030, Chương trình đặt ra một số chỉ tiêu chủ yếu:

ST T	Nội dung thực hiện	Số lượng
1	Đào tạo giảng viên khuyến nông (ToT) (lớp),	40
2	Đào tạo nông dân (ToF) (lớp)	75
3	Tập huấn, tuyên truyền nông dân (lớp)	50
4	Hội thảo chuyên đề, hội thảo khoa học	35
5	Thông tin, tuyên truyền (tin, bài)	1.000
6	Tham quan, học tập kinh nghiệm (chuyến)	30-40

Các chỉ tiêu trên là điều kiện để triển khai, còn hiệu quả cuối cùng phải được thể hiện qua khả năng áp dụng vào sản xuất, tỷ lệ mô hình được nhân rộng, mức giảm chi phí, tăng thu nhập và số lượng liên kết sản xuất – tiêu thụ được hình thành.

Huy động nguồn lực, nâng cao tính chủ động

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến 114,386 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước hơn 47,239 tỷ đồng; phần còn lại huy động từ người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác.

Việc đa dạng hóa nguồn lực vừa tạo điều kiện triển khai các mô hình, dự án, vừa nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của các bên tham gia, nhất là trong duy trì và nhân rộng mô hình sau khi kết thúc hỗ trợ từ ngân sách. Với định hướng mới, khuyến nông Đồng Tháp giai đoạn 2026 – 2030 không chỉ chuyển giao kỹ thuật mà hướng đến cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp. Từ đồng ruộng đến thị trường, từ hộ sản xuất đến hợp tác xã và doanh nghiệp, hệ thống khuyến nông sẽ từng bước trở thành lực lượng tư vấn, kết nối và đồng hành cùng nông dân.

Đây chính là nền tảng để hoạt động khuyến nông góp phần thúc đẩy nông nghiệp xanh, hiện đại, hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản Đồng Tháp./.

CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

 Trí Tuệ - Phòng Khuyến nông

Khuyến nông gắn với yêu cầu phát triển nông nghiệp mới

Thời gian qua, công tác khuyến nông từng bước chuyển từ phương thức hỗ trợ sản xuất đơn thuần sang tư vấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình, kết nối sản xuất với thị trường và hỗ trợ nông dân tổ chức lại sản xuất. Các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, xây dựng mô hình trình diễn, tư vấn kỹ thuật, hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản được triển khai phù hợp với từng vùng sinh thái và từng ngành hàng.

Nội dung khuyến nông ngày càng tập trung vào những yêu cầu mới của sản xuất và thị trường như VietGAP, hữu cơ, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, sử dụng vật tư nông nghiệp tiết kiệm, cơ giới hóa, chuyển đổi số và giảm phát thải. Hoạt động khuyến nông cũng từng bước gắn với phát triển kinh tế tập thể, liên kết chuỗi giá trị và xây dựng vùng nguyên liệu; trong đó hợp tác xã, tổ hợp tác và Tổ khuyến nông cộng đồng được chú trọng như những lực lượng hỗ trợ kỹ thuật tại cơ sở.

Định hướng này phù hợp với Chương trình Khuyến nông tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 9/7/2026, với yêu cầu đổi mới hoạt động khuyến nông, gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, sản xuất giảm phát thải và phát triển các mô hình phù hợp với điều kiện từng vùng của tỉnh.

Từ thực tiễn, nhiều mô hình đã được triển khai theo hướng “làm mẫu để nông dân thấy hiệu quả, học tập và nhân rộng”, như sản xuất lúa chất lượng cao, giảm giống, giảm phân bón, quản lý nước hợp lý, quản lý dịch hại tổng hợp, cơ giới hóa; cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGAP; sản xuất sen gắn với chế biến và truy xuất nguồn gốc; chăn nuôi an toàn sinh học; nuôi thủy sản theo hướng an toàn, hiệu quả; tận dụng phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ, giá thể

Trong quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, hiệu quả và bền vững, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, công tác khuyến nông tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc đưa chủ trương, chính sách, tiến bộ kỹ thuật đến với nông dân; đồng thời là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người sản xuất.

Năm 2026 đánh dấu những thay đổi quan trọng về tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống khuyến nông tỉnh Đồng Tháp trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, kết thúc hoạt động của các Trạm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp khu vực, chuyển nhiệm vụ về Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cấp xã đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động, bảo đảm hỗ trợ sản xuất không bị gián đoạn, đồng thời nâng cao tính chủ động, bám sát cơ sở và hiệu quả phục vụ người dân.

Cùng với đó, phương thức thông tin, tuyên truyền cũng từng bước đổi mới. Bên cạnh hội nghị, tập huấn truyền thống, hoạt động khuyến nông đã khai thác website, mạng xã hội, nhóm thông tin cộng đồng, hình ảnh, video kỹ thuật và tài liệu trực quan, giúp nông dân tiếp cận thông tin nhanh và thuận lợi hơn.

Khuyến nông trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Việc vận hành chính quyền địa phương hai cấp tạo ra sự thay đổi lớn về tổ chức bộ máy và phương thức cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực nông nghiệp. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để đổi mới hệ thống khuyến nông.

Theo Quyết định số 978/QĐ-SNN&MT của Sở Nông nghiệp và Môi trường, 23 Trạm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp khu vực đã kết thúc hoạt động; 262 viên chức được chuyển về làm việc tại các Trung tâm Cung ứng dịch vụ công thuộc 102 UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh.

Đây là thay đổi có tính bước ngoặt. Từ mô hình hệ thống ngành dọc với các trạm khu vực làm đầu mối, nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công được đưa gần hơn với chính quyền cơ sở. Về nguyên tắc, người dân có điều kiện tiếp cận dịch vụ thuận lợi hơn; chính quyền cấp xã cũng có điều kiện nắm sát tình hình sản xuất và chủ động hơn trong lựa chọn nội dung phục vụ phát triển kinh tế địa phương.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi đặt ra một số vấn đề cần tập trung giải quyết. Trước hết là phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cấp xã và UBND xã, phường.

Nếu thiếu quy chế phối hợp cụ thể có thể phát sinh tình trạng chồng chéo, thiếu đầu mối hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

Đội ngũ cán bộ khuyến nông cũng phải thích ứng với môi trường công tác mới. Từ mô hình trạm chuyên ngành, cán bộ được bố trí về Trung tâm Cung ứng dịch vụ công thuộc UBND cấp xã, đòi hỏi ngoài chuyên môn kỹ thuật còn phải có năng lực tổng hợp, tham mưu, phối hợp và thích ứng với phương thức quản lý mới.

Trong khi đó, địa bàn sản xuất rộng, ngành hàng đa dạng, lực lượng cán bộ kỹ thuật có hạn cũng đặt ra yêu cầu tổ chức lại phương thức hoạt động để bảo đảm nguyên tắc “đến tận hộ, sát từng vùng sản xuất”.

Bên cạnh khó khăn, mô hình mới mở ra nhiều cơ hội. UBND xã, phường trực tiếp quản lý địa bàn có điều kiện nắm bắt nhanh nhu cầu sản xuất, tình hình dịch bệnh, thị trường và những khó khăn của hợp tác xã, hộ dân. Nếu thực hiện tốt phân cấp, phân quyền, địa phương có thể chủ động lựa chọn mô hình phù hợp với lợi thế của mình thay vì triển khai đồng loạt. Đồng thời, khuyến nông có điều kiện gắn chặt hơn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, OCOP, kinh tế tập thể, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và phát triển sản phẩm đặc trưng.

Đổi mới phương thức hoạt động khuyến nông

Trong bối cảnh mới, công tác khuyến nông cần tiếp tục đổi mới theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ kết quả và sát nhu cầu cơ sở.

Trước hết, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp với các Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cấp xã. Cấp tỉnh tập trung định hướng, xây dựng chương trình, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đào tạo chuyên môn, xây dựng mô hình, tổng kết và nhân rộng; cấp xã chủ động xác định nhu cầu, lựa chọn đối tượng, địa bàn và phối hợp tổ chức thực hiện.

Cùng với đó, cần xây dựng mạng lưới khuyến nông cơ sở thực chất, phát huy vai trò của Tổ khuyến nông cộng đồng, cán bộ kỹ thuật, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân sản xuất giỏi và doanh nghiệp liên kết. Đây là lực lượng quan trọng giúp mở rộng khả năng hỗ trợ kỹ thuật trong điều kiện địa bàn rộng, lực lượng cán bộ chuyên môn có hạn.

Một yêu cầu quan trọng khác là đẩy mạnh khuyến nông số. Mỗi mô hình cần từng bước hình thành dữ liệu về quy trình sản xuất, vật tư đầu vào, năng suất, chất lượng, chi phí, hiệu quả và thị trường.

Dữ liệu sẽ trở thành cơ sở phục vụ truy xuất nguồn gốc, đánh giá hiệu quả mô hình và hỗ trợ quản lý nhà nước. Đối với các mô hình sản xuất xanh, giảm phát thải, cần từng bước quan tâm hệ thống MRV (Đo đạc - Báo cáo - Thẩm tra/xác minh), qua đó lượng hóa và chứng minh hiệu quả môi trường, kinh tế của quy trình sản xuất.

Khuyến nông cũng cần chuyển mạnh từ “chuyển giao kỹ thuật” sang “phát triển chuỗi giá trị”. Một mô hình chỉ thực sự thành công khi người dân sản xuất được, bán được sản phẩm và có lợi nhuận. Vì vậy, cán bộ khuyến nông cần tăng cường kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở chế biến và thị trường; đồng thời hỗ trợ xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng, thương hiệu và liên kết tiêu thụ.

Khẳng định vai trò khuyến nông trong giai đoạn mới

Trong giai đoạn mới, khuyến nông không chỉ giúp nông dân biết kỹ thuật mà phải góp phần giúp nông dân biết tổ chức sản xuất, tính toán hiệu quả, sử dụng dữ liệu, liên kết và thích ứng với thị trường. Việc thực hiện chính quyền địa phương hai cấp là một chuyển đổi lớn về tổ chức, nhưng nếu được triển khai đồng bộ sẽ tạo điều kiện để dịch vụ công nói chung và khuyến nông nói riêng gần dân hơn, linh hoạt hơn và hiệu quả hơn.

Đồng Tháp có nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện mục tiêu này với nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, nhiều ngành hàng chủ lực, hệ thống hợp tác xã ngày càng được củng cố và đội ngũ cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm.

Định hướng phát triển nông nghiệp chất lượng, xanh, sinh thái, tuần hoàn, giảm phát thải, chuyển đổi số và liên kết thị trường là cơ sở quan trọng để khuyến nông tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động.

Có thể khẳng định, trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp, khuyến nông không giảm vai trò mà phải nâng tầm vai trò. Từ một lực lượng chủ yếu làm nhiệm vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, khuyến nông cần trở thành lực lượng hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp; kết nối tri thức với sản xuất, nông dân với doanh nghiệp và thị trường, dữ liệu với quản lý nhà nước.

Thời gian tới, việc củng cố đội ngũ cán bộ khuyến nông, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa tỉnh và cơ sở, nâng cao năng lực cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cấp xã, phát huy Tổ khuyến nông cộng đồng, đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng các mô hình sản xuất xanh, tuần hoàn, giảm phát thải cần được xác định là những nhiệm vụ trọng tâm.

Với phương châm “sát dân, sát đồng ruộng, sát nhu cầu sản xuất và sát thị trường”, công tác khuyến nông có cơ sở tiếp tục phát huy vai trò là cầu nối quan trọng trong quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị nông sản và xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái, hiệu quả, bền vững; góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình Khuyến nông tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030 và các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn mới./.



Toàn cảnh ruộng vùng tại xã Phong Mỹ, tỉnh
Đồng Tháp, vụ Hè Thu năm 2026

TỪ “DỰ ÁN VÙNG” ĐẾN NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG MỚI TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030

Giải quyết "điểm nghẽn" và xây dựng hệ sinh thái sản xuất từ Dự án Vùng

✍️ Trần Văn Toàn – Phòng Khuyến nông

Vùng (mè) từng là cây trồng khá quen thuộc tại nhiều vùng sản xuất của Đồng bằng sông Cửu Long. Với thời gian sinh trưởng ngắn, nhu cầu nước không cao và khả năng bố trí trong các công thức luân canh, cây vùng có tiềm năng trở thành một trong những đối tượng phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thích ứng với những khu vực có điều kiện sản xuất ngày càng chịu tác động của biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, thực tế tại Đồng Tháp cho thấy sản xuất vùng những năm gần đây còn đối mặt với nhiều khó khăn: diện tích có xu hướng giảm, sản xuất nhỏ lẻ, trình độ cơ giới hóa thấp, nguồn giống đạt tiêu chuẩn còn hạn chế, giá nguyên liệu biến động và đặc biệt chưa hình thành rõ hệ thống chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu.

Trong hành trình xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh đến năm 2030, các chương trình hợp tác quốc tế đang mở ra nguồn lực, công nghệ và phương thức tổ chức sản xuất mới. Tiêu biểu như Dự án “Nâng cao năng suất và tăng cường chuỗi giá trị vùng tại Việt Nam” do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ (thông qua Trung tâm Khuyến nông Quốc gia làm chủ dự án, triển khai giai đoạn 2025–2027). Dự án này không chỉ đơn thuần chuyển giao kỹ thuật cho một loại cây trồng mà còn hướng tới tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, củng cố hợp tác xã, phát triển vùng nguyên liệu và gắn cơ giới hóa, chế biến, chuyển đổi số vào cùng một hệ sinh thái.



Chính những “điểm nghẽn” này cho thấy muốn phát triển một ngành hàng bền vững, chỉ nâng năng suất trên đồng ruộng là chưa đủ. Cần giải quyết đồng thời câu chuyện: **Giống - kỹ thuật - cơ giới hóa - tổ chức nông dân - vùng nguyên liệu - chế biến - thị trường và năng lực quản trị**. Để khắc phục, Dự án vùng đã áp dụng cách tiếp cận toàn diện từ giống, kỹ thuật, cơ giới hóa, tổ chức nông dân đến chế biến và thị trường:

- **Đầu tư phát triển hạ tầng và kỹ thuật:** Triển khai Mô hình trình diễn chế biến nông sản (APC) diện tích 14.851 m², và Khu trình diễn nhân giống vùng diện tích 10.000 m² tại xã Ba Sao, tỉnh Đồng Tháp.
- **Đào tạo nguồn nhân lực:** Tổ chức các lớp tập huấn Giảng viên nông cốt (ToT) với sự tham gia của chuyên gia Việt Nam và Hàn Quốc nhằm nâng cao năng lực canh tác, quản lý hợp tác xã và marketing cho đội ngũ cán bộ, khuyến nông viên và nông dân.
- **Tổ chức lại sản xuất:** Tái cơ cấu Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Phương Trà theo hướng chuyên sâu về vùng, đồng thời phối hợp vận động thành lập Tổ hội trồng mè (như Tổ hội trồng mè tại ấp Nguyễn Văn Đùng, xã Phong Mỹ) để gắn kết chặt chẽ giữa nông dân với vùng nguyên liệu.

Mở rộng tầm nhìn: Từ Dự án Vùng đến chiến lược nông nghiệp Đồng Tháp đến năm 2030

Thành công và cách vận hành của Dự án Vùng chính là mô hình thu nhỏ cho định hướng phát triển nông nghiệp toàn tỉnh trong giai đoạn mới theo Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 04/08/2026 của UBND tỉnh về Đề án “Xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong kiểu mẫu về

nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh đến năm 2030”. Cụ thể:

- **Chuyển đổi từ “sản xuất nhiều” sang “sản xuất có trách nhiệm”:** Thay đổi phương thức sử dụng tài nguyên (đất, nước), áp dụng các giải pháp canh tác tiết kiệm đầu vào, bổ sung vật liệu hữu cơ, sử dụng biochar, tưới ngập - khô xen kẽ, xử lý rơm rạ và xây dựng cơ sở dữ liệu số để cải thiện sức khỏe đất, giảm phát thải khí nhà kính.
- **Đổi mới vai trò của hệ thống Khuyến nông:** Cán bộ khuyến nông không chỉ chuyển giao kỹ thuật thuần túy mà phải đóng vai trò là cầu nối tri thức, công nghệ, hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp kết nối thị trường, đồng thời thiết kế cơ chế để các mô hình tự chủ động vận hành bền vững ngay cả khi dự án kết thúc.
- **Nông dân là trung tâm của sự chuyển đổi:** Phát huy vai trò của các mô hình Hội quán và Hợp tác xã, giúp người nông dân không chỉ giỏi sản xuất mà còn nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng số, tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng và có trách nhiệm cao với cộng đồng.

Dự án Vùng tại Đồng Tháp đang đặt những viên gạch đầu tiên cho một tư duy khuyến nông mới: chuyển từ hỗ trợ sản xuất đơn lẻ sang kiến tạo chuỗi giá trị. Những kinh nghiệm từ dự án sẽ là tiền đề quan trọng để tỉnh nhân rộng sang các ngành hàng chủ lực khác như lúa gạo, sen, xoài, cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi và thủy sản. Qua đó, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái - nông thôn hiện đại - nông dân văn minh vào năm 2030./.



Chuyên gia Hàn Quốc, chuyên gia Việt Nam về cây vùng và các học viên tại lớp tập huấn ToT về kỹ thuật canh tác vùng và vận hành Hợp tác xã



Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp - Giải pháp nâng cao năng suất, giảm chi phí, thích ứng biến đổi khí hậu

Ngày 24/7, tại Hidden Mansions Saigon Resort (số 112 Võ Thị Liễu, phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh), Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo "Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp – Giải pháp nâng cao năng suất, giảm chi phí, thích ứng biến đổi khí hậu". Hội thảo là diễn đàn để các nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ giải pháp thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

Tham dự hội thảo có lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cùng lãnh đạo các sở, ngành, trung tâm khuyến nông, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp cung ứng máy móc, thiết bị nông nghiệp, hợp tác xã và nông dân đến từ nhiều tỉnh, thành.

 *Hiền Phương – Phòng Dịch vụ nông nghiệp*

Tại hội thảo các đại biểu đã trình bày nhiều một số chuyên đề như: Cơ chế, chính sách thúc đẩy cơ giới hóa thông qua hợp tác xã, các tổ chức kinh tế tập thể và liên kết chuỗi giá trị; Xu hướng phát triển công nghệ cơ điện, robot và tự động hóa trong nông nghiệp Việt Nam; Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao và thích ứng với biến đổi khí hậu; Đổi mới sáng tạo trong thiết kế và chế tạo máy nông nghiệp phù hợp đồng ruộng Việt Nam.

Các đại biểu đánh giá, việc ứng dụng cơ giới hóa đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực như giảm lượng giống gieo sạ, tiết kiệm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, giảm chi phí nhân công, hạn chế thất thoát sau thu hoạch và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Bên cạnh hiệu quả kinh tế, cơ giới hóa còn góp phần giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả nguồn nước và bảo vệ môi trường sinh thái.

Hội thảo cũng dành thời gian trao đổi về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát triển cơ giới hóa như quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, hạ tầng phục vụ cơ giới hóa chưa đồng bộ, chi phí đầu tư máy móc còn cao và thiếu nguồn nhân lực có trình độ vận hành các thiết bị hiện đại.



Nhiều ý kiến đề xuất cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cơ giới hóa; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất, cung ứng thiết bị phù hợp với điều kiện canh tác của từng vùng; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân; đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo, chuyển giao khoa học kỹ thuật và phát triển các dịch vụ cơ giới hóa chuyên nghiệp.

Việc cơ giới hóa đang trở thành giải pháp quan trọng trong thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh. Nhiều mô hình ứng dụng máy cấy, máy gặt đập liên hợp, máy bay không người lái và các thiết bị thông minh đã góp phần giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập cho nông dân và giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

Các đại biểu thống nhất cho rằng, để cơ giới hóa phát huy hiệu quả cao hơn trong thời gian tới, cần gắn với chuyển đổi số, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, phát triển kinh tế hợp tác và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.



Đối với tỉnh Đồng Tháp, việc đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp không chỉ là giải pháp kỹ thuật đơn thuần mà đang trở thành chìa khóa chiến lược nhằm hiện thực hóa các chủ trương lớn của tỉnh trong giai đoạn 2026 – 2030.

Đồng thời cơ giới hóa là nền tảng cốt lõi để thực hiện thành công Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh. Các mô hình ứng dụng máy cấy, máy gặt đập liên hợp, máy bay không người lái (drone) và thiết bị thông minh đang được nhân rộng, giúp tối ưu hóa quy trình canh tác, nâng cao thu nhập cho nông dân.

Với nền tảng vững chắc từ định hướng chuyển đổi số và tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, cơ giới hóa đồng bộ sẽ là bộ phóng quan trọng giúp nông nghiệp Đồng Tháp vươn lên mạnh mẽ, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế thành công./.





Mô hình cấy lúa bằng máy tại HTX Thắng Lợi, xã Mỹ Quý

CƠ GIỚI HÓA GẮN VỚI TỔ CHỨC SẢN XUẤT TẬP TRUNG QUY MÔ LỚN TẠI HỢP TÁC XÃ Ở ĐỒNG THÁP

 Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp

Khi 50 ha vận hành theo một kế hoạch sản xuất

Thực tiễn tại các HTX cho thấy, cơ giới hóa chỉ phát huy hiệu quả khi gắn với một đầu mối tổ chức sản xuất.

Tại HTX Dịch vụ nông nghiệp Thắng Lợi, xã Mỹ Quý, mô hình được triển khai trên diện tích 50 ha với 24 hộ tham gia, thực hiện liên tiếp trong 3 vụ. Các khâu làm đất, gieo sạ bằng máy sạ hàng hoặc sạ cụm kết hợp vùi phân, phun thuốc bằng thiết bị bay không người lái, thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp và thu gom rơm được tổ chức tương đối đồng bộ.

Thông qua tổ chức sản xuất tập trung, lượng giống gieo sạ giảm còn khoảng 70 kg/ha,

đồng thời góp phần giảm sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. HTX giữ vai trò điều hành lịch thời vụ, tổ chức dịch vụ cơ giới hóa và chuyển giao kỹ thuật cho các hộ tham gia.

Trên những vùng lúa 50 ha ở Đồng Tháp, cơ giới hóa không bắt đầu từ việc mua thêm máy móc, mà từ việc tổ chức nhiều hộ cùng xuống giống, cùng áp dụng quy trình kỹ thuật và sử dụng chung dịch vụ. Khi hợp tác xã (HTX) đứng ra điều phối, những thửa ruộng nhỏ của từng hộ có thể được tổ chức thành một vùng sản xuất thống nhất, đủ quy mô để máy móc hoạt động liên tục và tiến bộ kỹ thuật được áp dụng đồng bộ.

Nhờ đó, máy móc không còn hoạt động riêng lẻ theo từng hộ mà trở thành một bộ phận của quy trình sản xuất chung.

Tại HTX Dịch vụ nông nghiệp Thống Nhất, xã Thanh Bình, mô hình sản xuất lúa giảm phát thải vụ Đông Xuân 2024–2025 được triển khai trên 50 ha với 17 hộ tham gia. Toàn bộ diện tích áp dụng sạ cụm kết hợp vùi phân, giảm lượng giống từ 150 kg/ha xuống khoảng 70 kg/ha; đồng thời thực hiện tưới ngập – khô xen kẽ, quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng phân bón hợp lý và thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp.

Điểm chung của các mô hình không chỉ nằm ở loại máy được sử dụng mà quan trọng hơn là cách tổ chức sản xuất. HTX tập hợp diện tích, thống nhất thời vụ, chuyển giao một quy trình kỹ thuật và bố trí dịch vụ cho cả vùng. Nhờ đó, máy móc được vận hành theo kế hoạch chung, giảm thời gian chờ và nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị.

Qua các mô hình tại HTX Thắng Lợi, Thống Nhất và Tân Bình, cơ giới hóa gắn với tổ chức sản xuất tập trung đã góp phần giảm chi phí sản xuất khoảng 2–2,6 triệu đồng/ha, đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất.

Quy mô lớn trước hết là quy mô tổ chức

Một đặc điểm của sản xuất nông nghiệp là mỗi hộ thường quản lý một diện tích riêng. Nếu từng hộ tự quyết định thời điểm xuống giống, giống sử dụng, quy trình canh tác và thuê máy

riêng lẻ thì rất khó tổ chức máy móc hoạt động liên tục. Máy phải di chuyển giữa nhiều thửa ruộng, thời gian chờ tăng, công suất khai thác giảm và chi phí dịch vụ khó được tối ưu.

Khi các hộ được tổ chức thành vùng sản xuất thông qua HTX hoặc các hình thức liên kết, những hạn chế này từng bước được khắc phục. Việc thống nhất lịch xuống giống, cơ cấu giống và quy trình kỹ thuật tạo điều kiện để máy móc hoạt động liên tục theo từng công đoạn trên diện tích lớn.

Như vậy, quy mô lớn không nhất thiết đồng nghĩa với việc một chủ thể phải sở hữu diện tích đất lớn. Trong điều kiện Đồng Tháp, quy mô lớn có thể được hình thành từ sự phối hợp của nhiều hộ sản xuất nhỏ cùng thực hiện một kế hoạch sản xuất và sử dụng chung hệ thống dịch vụ.

Đây cũng là phương thức phù hợp để từng bước khắc phục tình trạng sản xuất manh mún mà không nhất thiết phải thay đổi quyền sử dụng đất của từng hộ.

HTX là hạt nhân điều phối dịch vụ cơ giới hóa

Từ thực tiễn các mô hình cho thấy, vai trò quan trọng nhất của HTX không nhất thiết là sở hữu nhiều máy móc mà là tổ chức nhu cầu và điều phối sản xuất.

HTX cần tập hợp diện tích, thống nhất lịch thời vụ, xác định nhu cầu dịch vụ, điều phối máy móc và tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật.



Tùy điều kiện, HTX có thể đầu tư máy móc, liên kết với doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hoặc thuê máy theo mùa vụ.

Cách tiếp cận này giúp chuyển từ tư duy “HTX phải có máy” sang “HTX phải tổ chức được dịch vụ cơ giới hóa hiệu quả”.

Trong quá trình nhân rộng, có thể khuyến khích hình thành các tổ, đội dịch vụ cơ giới hóa chuyên nghiệp, có khả năng phục vụ nhiều HTX và nhiều vùng sản xuất. Khi có đủ diện tích phục vụ và kế hoạch sản xuất phù hợp, hệ số sử dụng máy được nâng lên, giảm chi phí đầu tư và tăng tính bền vững của dịch vụ.

Bên cạnh đó, cơ giới hóa cần được đặt trong tổng thể tổ chức vùng sản xuất. Hạ tầng giao thông nội đồng, cầu, bến lên xuống máy, thủy lợi, điểm tập kết, sân phơi, kho sấy và kho bảo quản cần được đầu tư, bố trí phù hợp với quy mô sản xuất.

Từ cơ giới hóa đến vùng nguyên liệu và liên kết doanh nghiệp

Một bài học quan trọng từ các mô hình là không nên cơ giới hóa riêng lẻ trên nền sản xuất manh mún. Trước khi đầu tư thiết bị, cần xác định rõ vùng phục vụ, diện tích, nhu cầu sử dụng, phương án điều phối và khả năng duy trì dịch vụ.

Trong đó, HTX là hạt nhân kết nối giữa hộ nông dân, đơn vị cung ứng dịch vụ cơ giới hóa và doanh nghiệp. Khi các hộ cùng sản xuất theo một lịch thời vụ, một quy trình kỹ thuật và một định hướng sản phẩm, vùng sản xuất không chỉ thuận lợi cho cơ giới hóa mà còn tạo điều kiện hình thành vùng nguyên liệu, chuẩn hóa chất lượng và

thực hiện liên kết tiêu thụ.

Hệ thống khuyến nông tiếp tục giữ vai trò cầu nối trong xây dựng mô hình, chuyển giao quy trình kỹ thuật, hướng dẫn vận hành và sử dụng thiết bị, đồng thời hỗ trợ HTX xây dựng phương án tổ chức sản xuất và dịch vụ. Các mô hình cần được đánh giá đồng thời trên ba phương diện: hiệu quả sử dụng thiết bị, hiệu quả kinh tế và năng lực tổ chức sản xuất tập trung.

Từ những vùng lúa 50 ha tại các HTX ở Đồng Tháp có thể thấy, cơ giới hóa và tổ chức sản xuất tập trung là hai yếu tố có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau. Sản xuất tập trung tạo không gian để máy móc hoạt động liên tục, áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật và giảm chi phí; ngược lại, cơ giới hóa tạo động lực để các hộ thống nhất lịch thời vụ, quy trình sản xuất và sử dụng chung dịch vụ.

Vì vậy, định hướng thời gian tới cần chuyển từ cách tiếp cận hỗ trợ máy móc đơn lẻ sang tổ chức vùng sản xuất trước, xác định nhu cầu dịch vụ và lựa chọn phương thức cơ giới hóa phù hợp sau. Đây là cơ sở để nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, chuẩn hóa chất lượng nông sản, phát triển vùng nguyên liệu và tăng khả năng liên kết với doanh nghiệp.

Đối với Đồng Tháp, hướng đi này có ý nghĩa thiết thực trong quá trình hiện đại hóa nông nghiệp, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp theo Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long./.



Chuyển đổi số trong khuyến nông: Từ nhật ký điện tử đến truy xuất nguồn gốc nông sản

 ThS. Võ Thị Kim Quyên – Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp



Trong những năm gần đây, chuyển đổi số đã trở thành xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nông nghiệp là một trong những lĩnh vực được quan tâm thúc đẩy mạnh mẽ. Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025), chuyển đổi số là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy quá trình hiện đại hóa ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Việc ứng dụng công nghệ số không chỉ có thể hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm mà còn góp phần thay đổi phương thức quản lý, sản xuất và tiêu thụ nông sản theo hướng minh bạch, hiệu quả và bền vững.

Đối với công tác khuyến nông, chuyển đổi số không đơn thuần là việc sử dụng các thiết bị thông minh hay phần mềm quản lý mà còn là quá trình đổi mới phương thức hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, quản lý sản xuất bằng dữ liệu và kết nối thị trường thông qua các nền tảng số. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế.

Tại Đồng Tháp, chuyển đổi số trong nông nghiệp đang từng bước được cụ thể hóa từ xây dựng nền tảng dữ liệu đến số hóa hoạt động sản xuất. Tỉnh đã triển khai thí điểm nền tảng dữ liệu số ngành nông nghiệp, gồm các phân hệ về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi – thú y, thủy sản, thủy lợi, lâm nghiệp và phát triển nông thôn; đồng thời tiếp tục hoàn thiện nền tảng để phục vụ công tác quản lý, sản xuất và kết nối dữ liệu trong toàn ngành. Định hướng này phù hợp với Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường năm 2026 của tỉnh, trong đó chuyển đổi số được gắn với phát triển nông nghiệp hiện đại, nâng cao hiệu quả quản lý và từng bước số hóa quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc nông sản.

Nhật ký điện tử – "cuốn sổ thông minh" của người nông dân

Ở nhiều hộ sản xuất, việc ghi chép quá trình sản xuất chủ yếu được thực hiện bằng sổ tay giấy. Tuy nhiên, hình thức này thường gặp nhiều hạn chế như khó lưu trữ lâu dài, dễ thất lạc, khó tổng hợp số liệu và mất nhiều thời gian khi cần kiểm tra hoặc truy xuất thông tin.



Chuyển đổi số trong khuyến nông – Đồng hành cùng nông dân, kiến tạo nền nông nghiệp thông minh, hiện đại và bền vững.

Quy trình chuyển đổi số trong khuyến nông

Hiện nay, với sự phát triển của các ứng dụng trên điện thoại thông minh và máy tính bảng, người sản xuất có thể sử dụng nhật ký điện tử để ghi nhận toàn bộ quá trình canh tác một cách nhanh chóng và thuận tiện. Thông qua ứng dụng, các thông tin về ngày xuống giống, giống cây trồng, lượng phân bón sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật, lịch tưới nước, tình hình sinh trưởng, sâu bệnh, thời điểm thu hoạch và sản lượng có thể được lưu trữ trên hệ thống. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO, 2022, tr. 15-18), việc số hóa dữ liệu sản xuất giúp nâng cao khả năng quản lý trang trại, giảm sai sót trong ghi chép và hỗ trợ quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Nhật ký điện tử mang lại nhiều lợi ích thiết thực trong quản lý sản xuất và có thể trở thành nền tảng dữ liệu cho truy xuất nguồn gốc. Thực tiễn tại Đồng Tháp cho thấy việc số hóa sản xuất đã được triển khai ở một số mô hình cụ thể. Tại xã Mỹ Xương, mô hình “Cây xoài nhà tôi” của Hợp tác xã xoài Mỹ Xương được phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất, tiêu thụ và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; trong đó, thông tin về sản xuất được số hóa, sản phẩm được thực hiện nhật ký điện tử và kết nối với các hình thức quảng bá, bán hàng trực tuyến. Mô hình này cũng được tỉnh xác định là một trong những mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp cần tiếp tục đánh giá và nhân rộng.

Ở quy mô vùng sản xuất, Đồng Tháp đã hình thành hệ thống mã số vùng trồng gắn với yêu cầu truy xuất nguồn gốc và thị trường xuất khẩu. Theo số liệu thống kê của tỉnh, 6 tháng đầu năm 2026, địa phương tiếp tục đẩy nhanh việc thiết lập và cấp mới mã số vùng trồng đối với các cây trồng chủ lực có tiềm năng xuất khẩu, đồng thời duy trì và giám sát các mã số đã được cấp nhằm nâng cao hiệu quả liên kết và tiêu thụ nông sản. Những kết quả trên cho thấy nhật ký điện tử không chỉ giúp người sản xuất theo dõi chi phí đầu tư, vật tư sử dụng, tình hình sinh trưởng và sản lượng của từng vụ mùa mà còn tạo dữ liệu đầu vào cho hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ quan quản lý kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất.

Khi dữ liệu được ghi chép đầy đủ, chuẩn hóa và liên kết với mã số vùng trồng hoặc mã lô sản phẩm, thông tin sản xuất có thể tiếp tục được sử dụng cho truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường.

Đối với cán bộ khuyến nông, nhật ký điện tử có thể trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả trong quá trình hướng dẫn kỹ thuật. Thông qua dữ liệu do người dân cập nhật đúng thời điểm, cán bộ có thể theo dõi tình hình sản xuất từ xa, phát hiện những bất thường trong quá trình canh tác để kịp thời tư vấn các giải pháp phù hợp, góp phần giảm chi phí và hạn chế rủi ro.



Mô hình cây xoài nhà tôi

TEM TRUY XUẤT NGUỒN GỐC NÔNG SẢN

Quét mã QR để xem thông tin chi tiết



Quét mã QR để truy xuất thông tin



Thông tin được lưu trữ và quản lý trên hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo minh bạch – chính xác – không thể chỉnh sửa.

Truy xuất nguồn gốc – chìa khóa nâng cao giá trị nông sản

Nếu nhật ký điện tử là công cụ quản lý quá trình sản xuất thì truy xuất nguồn gốc chính là "tấm hộ chiếu" giúp nông sản tạo dựng niềm tin với người tiêu dùng.

Thông qua mã QR được in trên bao bì sản phẩm, người tiêu dùng có thể sử dụng điện thoại thông minh để tra cứu các thông tin như tên sản phẩm, vùng sản xuất, đơn vị sản xuất, quy trình canh tác, thời gian thu hoạch, cơ sở đóng gói và các thông tin được hệ thống công khai. Tuy nhiên, mã QR chỉ là phương tiện truy cập thông tin; giá trị truy xuất phụ thuộc vào dữ liệu được ghi chép, cập nhật và xác nhận trong suốt quá trình hình thành sản phẩm. Việc minh bạch thông tin không chỉ giúp người tiêu dùng yên tâm khi lựa chọn sản phẩm mà còn góp phần nâng cao uy tín của người sản xuất.

Theo GS1 Việt Nam (2023, tr. 12), hệ thống truy xuất nguồn gốc cho phép ghi nhận và theo dõi toàn bộ quá trình hình thành sản phẩm từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến đến phân phối, góp phần tăng tính minh bạch và niềm tin của người tiêu dùng.

Trong bối cảnh một số thị trường và chuỗi tiêu thụ đặt ra yêu cầu nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc, việc xây dựng hệ thống dữ liệu đồng bộ từ khâu sản xuất đến tiêu thụ trở thành điều kiện quan trọng đối với những ngành hàng và thị trường có yêu cầu cụ thể.

Đối với các sản phẩm đặc trưng của Đồng Tháp như xoài, quýt hồng, sen hay các sản phẩm OCOP, việc áp dụng truy xuất nguồn gốc có thể góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

Vai trò của cán bộ khuyến nông trong chuyển đổi số

Trong tiến trình chuyển đổi số, cán bộ khuyến nông không chỉ là người chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mà còn cần làm tốt vai trò người đồng hành, hướng dẫn nông dân tiếp cận các công nghệ mới. Theo Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (2024, tr. 18), cán bộ khuyến nông đóng vai trò là cầu nối giữa tiến bộ khoa học - công nghệ với người sản xuất, đồng thời hỗ trợ nông dân tiếp cận các nền tảng số và mô hình quản lý hiện đại.

Bên cạnh việc tập huấn kỹ thuật sản xuất, cán bộ khuyến nông cần hỗ trợ người dân sử dụng các ứng dụng nhật ký điện tử, hướng dẫn ghi chép, chuẩn hóa thông tin làm cơ sở truy xuất nguồn gốc, phổ biến kỹ năng sử dụng điện thoại thông minh trong quản lý sản xuất, đồng thời kết nối người dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị cung cấp nền tảng số phù hợp và thương mại điện tử.

Việc nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ khuyến nông sẽ góp phần rút ngắn khoảng cách giữa công nghệ và thực tiễn sản xuất, giúp các tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Triển vọng

Chuyển đổi số đang mở ra nhiều cơ hội mới cho ngành nông nghiệp. Từ việc sử dụng nhật ký điện tử trong quản lý sản xuất đến xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc minh bạch, người nông dân từng bước thay đổi phương thức canh tác theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Đối với công tác khuyến nông, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà còn là nhiệm vụ quan trọng nhằm đưa tiến bộ khoa học và công nghệ đến gần hơn với người sản xuất.

Khi mỗi người nông dân biết khai thác hiệu quả các công cụ số, mỗi hợp tác xã chủ động quản lý dữ liệu sản xuất và các sản phẩm tham gia chuỗi được cung cấp thông tin truy xuất rõ ràng, nông nghiệp Việt Nam sẽ có thêm nền tảng vững chắc để phát triển theo hướng hiện đại, minh bạch và hội nhập quốc tế.

Riêng đối với tỉnh Đồng Tháp, nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong thời gian tới là tiếp tục hoàn thiện nền tảng dữ liệu số ngành nông nghiệp, chuẩn hóa quy trình nhật ký điện tử và tăng cường cấp, giám sát mã số vùng trồng cho các mặt hàng chủ lực. Để hiện thực hóa mục tiêu này, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (trọng tâm là lực lượng khuyến nông) cần giữ vai trò nòng cốt trong việc tập huấn, đồng hành cùng các hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân chuyển đổi thói quen canh tác số. Kết quả mong đợi là hình thành nên những vùng nguyên liệu số hóa tập trung, giúp các sản phẩm đặc trưng như xoài, sen, quýt hồng và nông sản OCOP Đồng Tháp gia tăng giá trị cạnh tranh, vững vàng khẳng định thương hiệu tại thị trường nội địa và quốc tế./.



Dữ liệu nông nghiệp Đồng Tháp: Từ quy chế chia sẻ đến nền tảng phục vụ sản xuất

 Phòng Khuyến nông

Từ dữ liệu phân tán đến quản lý thống nhất

Trong tiến trình chuyển đổi số, dữ liệu ngày càng trở thành nguồn lực quan trọng đối với quản lý và phát triển nông nghiệp. Từ việc thu thập, chuẩn hóa, lưu trữ đến kết nối, chia sẻ và khai thác, dữ liệu không chỉ phục vụ cơ quan quản lý mà từng bước trở thành công cụ hỗ trợ cán bộ khuyến nông, doanh nghiệp và nông dân ra quyết định sản xuất chính xác, chủ động và hiệu quả hơn. Với việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu nông nghiệp và môi trường cùng định hướng triển khai các nền tảng số dùng chung, Đồng Tháp đang từng bước hình thành nền tảng dữ liệu phục vụ quản trị và sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn mới.

Thực tế sản xuất nông nghiệp tạo ra lượng thông tin ngày càng lớn, từ dữ liệu về đất đai, vùng sản xuất, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, môi trường, khí tượng thủy văn đến thông tin về mô hình sản xuất, chương trình, dự án và kết quả chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Nếu dữ liệu được thu thập và lưu trữ riêng lẻ, thiếu thống nhất, việc tổng hợp, tra cứu và khai thác phục vụ quản lý sẽ gặp nhiều khó khăn.

Nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 92/2026/QĐ-UBND ngày 11/8/2026, ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường. Quyết định có hiệu lực từ ngày 24/8/2026.

Quy chế áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường cùng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điểm quan trọng của Quy chế là hình thành một quy trình quản lý dữ liệu thống nhất: thu thập – kiểm tra, xử lý – lưu trữ – chia sẻ – khai thác, sử dụng. Dữ liệu sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý theo các quy định, quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành trước khi đưa vào quản lý, khai thác.

Cách tiếp cận này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dữ liệu ngay từ đầu, hạn chế tình trạng dữ liệu phân tán, trùng lặp hoặc khó sử dụng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, đơn vị khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn và quản lý nhà nước.

Chuẩn hóa dữ liệu ngay từ khâu giao nộp

Một nội dung đáng chú ý của Quy chế là quy định cụ thể trách nhiệm và thời hạn giao nộp dữ liệu đối với các nhiệm vụ, dự án về nông nghiệp và môi trường.

Theo đó, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm giao nộp dữ liệu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Trung tâm Công nghệ thông tin trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, hoàn thành nhiệm vụ, dự án. Hồ sơ giao nộp gồm một bộ dữ liệu điện tử và một bộ gốc in trên giấy; đơn vị giao nộp chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu và việc giao nhận phải được lập thành biên bản.

Quy định này tạo cơ sở để dữ liệu hình thành từ các chương trình, nhiệm vụ, dự án được tập hợp và lưu trữ có hệ thống, thay vì chỉ phục vụ cho một nhiệm vụ cụ thể rồi phân tán sau khi nhiệm vụ kết thúc.

Đây cũng là điều kiện quan trọng để từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh, trong đó dữ liệu được kiểm tra, đánh giá, tổ chức quản lý và lưu trữ có hệ thống, đồng thời được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý và khai thác.

Danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, tiếp cận và khai thác thông tin.

Hình thành hệ sinh thái dữ liệu và nền tảng số

Nếu Quy chế của tỉnh tạo ra khung quản lý và chia sẻ dữ liệu, thì việc triển khai các nền tảng số dùng chung của ngành tạo ra hạ tầng để dữ liệu được kết nối và khai thác hiệu quả hơn.

Theo Quyết định số 3256/QĐ-BNNMT ngày 14/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, việc triển khai các nền tảng số dùng chung quốc gia và nền tảng số dùng chung chuyên ngành được định hướng theo hướng kết nối, tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu dùng chung; hạn chế tình trạng đầu tư các hệ thống riêng lẻ, trùng lặp, chồng chéo.

Định hướng này từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu đồng bộ, liên thông từ Trung ương đến địa phương. Theo kế hoạch, 8 nền tảng số dùng chung chuyên ngành nông nghiệp và môi trường được định hướng triển khai, bổ trợ cho nhau trong quản lý, điều hành, cung cấp thông tin và hỗ trợ sản xuất.

Đối với Đồng Tháp, việc kết nối giữa hệ thống dữ liệu của tỉnh với các nền tảng số dùng chung của ngành sẽ mở ra khả năng khai thác dữ liệu theo hướng liên thông, thay vì mỗi đơn vị quản lý một hệ thống thông tin riêng. Khi dữ liệu được chuẩn hóa và kết nối, cùng một nguồn thông tin có thể được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau: quản lý nhà nước, theo dõi sản xuất, xây dựng chính sách, dự báo, chuyển giao kỹ thuật và cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

Đây chính là bước chuyển từ “quản lý thông tin” sang “quản trị dựa trên dữ liệu”, trong đó dữ liệu trở thành cơ sở để nâng cao chất lượng tham mưu, điều hành và ra quyết định.





Dữ liệu phục vụ trực tiếp sản xuất

Giá trị của chuyển đổi số cuối cùng không chỉ nằm ở việc có thêm các phần mềm hay cơ sở dữ liệu, mà ở khả năng đưa dữ liệu vào thực tiễn sản xuất.

Đối với ngành nông nghiệp, dữ liệu về vùng sản xuất, mùa vụ, tình hình sinh trưởng cây trồng, dịch bệnh, thời tiết, môi trường, thị trường và kết quả các mô hình sản xuất có thể trở thành nguồn thông tin quan trọng để hỗ trợ quá trình ra quyết định.

Khi dữ liệu được cập nhật đầy đủ và kết nối, cơ quan quản lý có thêm cơ sở để theo dõi diễn biến sản xuất, đánh giá hiệu quả các chương trình, dự án và chủ động hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành. Doanh nghiệp có thể tiếp cận thông tin về vùng nguyên liệu, sản lượng và điều kiện sản xuất để phục vụ liên kết, tiêu thụ. Người sản xuất có thêm thông tin để lựa chọn thời điểm xuống giống, tổ chức sản xuất, phòng trừ dịch bệnh và điều chỉnh kỹ thuật phù hợp.

Đặc biệt, dữ liệu có thể hỗ trợ quá trình hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quản lý truy xuất nguồn gốc và kết nối sản xuất với thị trường. Khi dữ liệu sản xuất được ghi nhận đầy đủ và có khả năng kiểm chứng, giá trị của thông tin không chỉ phục vụ quản lý mà còn trở thành một thành phần quan trọng trong chuỗi giá trị nông sản.

Khuyến nông – cầu nối đưa dữ liệu đến với nông dân

Trong quá trình này, lực lượng khuyến nông có vai trò quan trọng trong việc đưa dữ liệu và công nghệ số đến gần hơn với người sản xuất.

Theo định hướng triển khai các nền tảng số dùng chung, con người và năng lực khai thác dữ liệu giữ vai trò quyết định bên cạnh hạ tầng công nghệ. Cán bộ khuyến nông là cầu nối giúp nông dân tiếp cận và sử dụng thông tin số về thời tiết, môi trường, dịch bệnh, thị trường và kỹ thuật để phục vụ quyết định sản xuất.

Ở cấp cơ sở, việc thu thập và cập nhật dữ liệu về mô hình sản xuất, vùng sản xuất, kết quả thực hiện chương trình, dự án và nhiệm vụ chuyên môn cũng giúp hệ thống khuyến nông nâng cao chất lượng tổng hợp, đánh giá và tham mưu. Đây là cơ sở để theo dõi mô hình, xác định những giải pháp sản xuất phù hợp và tổ chức nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

Do đó, chuyển đổi số trong khuyến nông không chỉ là sử dụng các ứng dụng mới, mà quan trọng hơn là hình thành thói quen ghi nhận, cập nhật, chuẩn hóa và khai thác dữ liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Mỗi mô hình sản xuất, mỗi lớp tập huấn, mỗi kết quả chuyển giao kỹ thuật nếu được cập nhật đầy đủ sẽ trở thành một phần của kho dữ liệu chung, có thể tiếp tục được khai thác cho những nhiệm vụ sau.

Hướng tới nền nông nghiệp thông minh, minh bạch và bền vững

Việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh, kết hợp với định hướng triển khai các nền tảng số dùng chung của ngành, đang tạo ra những điều kiện quan trọng để Đồng Tháp từng bước xây dựng hệ sinh thái dữ liệu nông nghiệp.

Từ quy chế, dữ liệu được quản lý thống nhất; từ hạ tầng và nền tảng số, dữ liệu được kết nối, chia sẻ; và từ khai thác thực tiễn, dữ liệu trở thành công cụ phục vụ quản lý, khuyến nông và sản xuất.

Đây là quá trình cần được thực hiện thường xuyên, lâu dài, trong đó chất lượng dữ liệu, tính cập nhật, khả năng liên thông và năng lực khai thác của cán bộ, người dân, doanh nghiệp là những yếu tố quyết định hiệu quả.

Khi dữ liệu được quản lý đầy đủ, chia sẻ đúng quy định và khai thác đúng mục đích, chuyển đổi số sẽ không còn là câu chuyện riêng của công nghệ mà trở thành một phương thức quản lý và tổ chức sản xuất mới. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực điều hành, tăng tính minh bạch, hỗ trợ người sản xuất ra quyết định chính xác hơn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy Đồng Tháp phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và bền vững./.





Tính năng

PHÒNG TRỪ SINH HỌC

Trên ứng dụng
mobiAgri

ỨNG DỤNG CÔNG CỤ SỐ CABI TRONG QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI DỪA

*Thăng – Trung tâm Khuyến nông
và Dịch vụ nông nghiệp*

Từ chiếc điện thoại thông minh, cán bộ kỹ thuật và nông dân có thể tra cứu thông tin về sinh vật gây hại, nhận diện triệu chứng và tìm hiểu các giải pháp quản lý ngay tại vườn. Đây là một trong những hướng tiếp cận mới được Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp phối hợp với Tổ chức CABI triển khai nhằm đưa công nghệ số vào công tác khuyến nông và quản lý sức khỏe cây dứa.

Để hỗ trợ cán bộ kỹ thuật và nông dân ứng dụng công cụ số trong nhận diện, quản lý sâu bệnh hại dứa, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp phối hợp với Tổ chức CABI tổ chức chuỗi hoạt động đào tạo, tập huấn về “Ứng dụng một số công cụ số CABI và quản lý tổng hợp sâu bệnh hại dứa” dành cho cán bộ kỹ thuật và nông dân trồng dứa.

Chương trình được triển khai theo hướng đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt, sau đó chuyển giao kiến thức và kỹ năng đến nông dân. Ngày 27/7/2026, tại Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp, lớp đào tạo giảng viên nguồn (ToT) được tổ chức cho 30 cán bộ kỹ thuật. Sau lớp ToT, chương trình tiếp tục với 04 lớp tập huấn cho khoảng 120 nông dân trồng dứa tại các địa bàn Vĩnh Bình, Tân Thới, An Thạnh Thủy và Đồng Sơn.

Nội dung trọng tâm của chương trình là hướng dẫn cán bộ và nông dân tiếp cận, sử dụng các công cụ số của CABI phục vụ quản lý sức khỏe cây trồng, gồm CABI BioProtection Portal, PlantwisePlus Knowledge Bank, PlantwisePlus Factsheets App và Crop Sprayer App. Mỗi công cụ đảm nhiệm một chức năng khác nhau, hỗ trợ người sử dụng tra cứu thông tin về sinh vật gây hại, nhận diện triệu chứng, tham khảo các biện pháp quản lý và phòng trừ sinh học, đồng thời hỗ trợ tính toán lượng thuốc, lượng nước phun phù hợp với diện tích canh tác và dung tích bình phun.





Trong phần thực hành, học viên được hướng dẫn tải và cài đặt các ứng dụng CABI trên điện thoại thông minh, đồng thời trực tiếp thao tác tra cứu thông tin về sâu bệnh hại trên cây dừa và các sản phẩm thuốc sinh học. Qua các tình huống thực hành, học viên từng bước làm quen với cách tìm kiếm đối tượng gây hại, tra cứu đặc điểm nhận diện và tham khảo các biện pháp quản lý phù hợp, trong đó có lựa chọn thuốc sinh học phục vụ phòng trừ dịch hại.

Thông qua thực hành, học viên từng bước làm quen với quy trình tìm kiếm thông tin, từ lựa chọn cây trồng, nhập tên sinh vật gây hại đến tra cứu đặc điểm nhận diện và các giải pháp quản lý. Đây là kỹ năng có thể hỗ trợ cán bộ kỹ thuật trong tư vấn và giúp nông dân chủ động hơn khi cần tìm kiếm thông tin trong quá trình chăm sóc vườn.

Một học viên tham gia tập huấn chia sẻ: “Thông qua các ứng dụng trên giúp chúng tôi thuận tiện trong việc tiếp cận các biện pháp quản lý dịch hại một cách nhanh chóng và có thể tra cứu được thuốc sinh học mà tôi cần sử dụng.”



Bên cạnh những thuận lợi, quá trình thực hành cũng cho thấy một số nông dân còn gặp khó khăn do chưa quen với việc sử dụng điện thoại thông minh và các ứng dụng công nghệ, nên việc tiếp cận và thao tác trong thời gian đầu còn hạn chế. Tuy nhiên, thông qua hướng dẫn trực tiếp và thực hành từng bước tại lớp, học viên có điều kiện làm quen với các thao tác cơ bản, từng bước nâng cao khả năng khai thác công cụ số phục vụ sản xuất.

Bên cạnh nội dung ứng dụng công nghệ số, chương trình tập trung hướng dẫn nhận diện và quản lý các nhóm sinh vật gây hại được đưa vào nội dung tập huấn như sâu đầu đen, sâu nải, bọ cánh cứng, bọ vòi voi, bọ xít trái, kiến vương, đuông dừa, nhện và các bệnh đốm xám lá, thối nõn, xì mũ thân, nứt và rụng trái.

Trên cơ sở nhận diện đúng đối tượng gây hại, cán bộ và nông dân được hướng dẫn áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) theo hướng thường xuyên thăm vườn, theo dõi và phát hiện sớm sâu bệnh; thực hiện vệ sinh vườn và các biện pháp canh tác phù hợp; ưu tiên sử dụng biện pháp sinh học như: nhân nuôi và phóng thích bọ đuôi kìm (*Euborellia annulipes*) vào vườn dừa nhằm tăng cường quần thể thiên địch và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hợp lý khi cần thiết. Cách tiếp cận này hướng đến hạn chế việc sử dụng thuốc không cần thiết, qua đó hướng tới giảm chi phí và tác động đến môi trường.

Chuỗi hoạt động với 01 lớp đào tạo ToT cho 30 cán bộ và 04 lớp tập huấn cho khoảng 120 nông dân, tạo mạch chuyển giao từ đội ngũ kỹ thuật đến người sản xuất. Qua đó, các công cụ số không chỉ được giới thiệu về mặt lý thuyết mà còn được học viên thực hành tại lớp để hỗ trợ cán bộ và nông dân trong nhận diện, theo dõi và quản lý sâu bệnh hại dừa.

Việc kết hợp giữa kiến thức kỹ thuật, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và ứng dụng công nghệ số được kỳ vọng góp phần đổi mới phương thức chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nâng cao tính chủ động của nông dân trong chăm sóc, bảo vệ vườn dừa; đồng thời hướng tới hỗ trợ sử dụng vật tư đầu vào hợp lý, giảm chi phí sản xuất và hạn chế tác động đến môi trường.

Đặc biệt, việc tăng cường các giải pháp sinh học, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hợp lý và nâng cao khả năng tiếp cận thông tin kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng trong việc từng bước hình thành phương thức sản xuất dừa theo hướng an toàn, có trách nhiệm và bền vững. Về lâu dài, những thay đổi này có thể hỗ trợ người sản xuất đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng, an toàn thực phẩm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ môi trường.



ĐẨY MẠNH NÔNG NGHIỆP XANH, KINH TẾ TUẦN HOÀN GẮN VỚI NÂNG CAO THU NHẬP CHO NÔNG DÂN

 Lê Chí Thiện - Sở NN&MT

Phát triển nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu không chỉ là yêu cầu về môi trường, mà đang trở thành hướng đi quan trọng để giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị nông sản và tăng thu nhập cho nông dân. Đây cũng là nội dung được ngành Nông nghiệp và Môi trường Đồng Tháp xác định cần tăng cường phối hợp với Hội Nông dân và các địa phương trong thời gian tới.

Từ tư duy “sản xuất bao nhiêu” chuyển sang “tạo ra giá trị bao nhiêu”, nông nghiệp Đồng Tháp đang từng bước chuyển từ sản xuất đơn thuần sang phát triển kinh tế nông nghiệp; từ khai thác tài nguyên sang sử dụng hiệu quả tài nguyên; từ xem phụ phẩm là chất thải sang biến phụ phẩm thành nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất.

Không chỉ sản xuất nhiều, mà phải tạo ra giá trị cao

Đồng Tháp có nhiều lợi thế về sản xuất lúa, cây ăn trái, thủy sản và chăn nuôi. Tuy nhiên, sản xuất quy mô nhỏ, chi phí đầu vào cao, liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ chưa đồng đều, yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và giảm phát thải đang đặt ra yêu cầu phải thay đổi phương thức sản xuất.

Trong điều kiện đó, câu hỏi đặt ra không còn đơn thuần là một hecta sản xuất được bao nhiêu tấn, mà phải tính đến chi phí bao nhiêu, sử dụng bao nhiêu vật tư, tạo ra giá trị bao nhiêu và người nông dân còn lại bao nhiêu thu nhập.

Với cây lúa, việc đẩy mạnh các giải pháp của Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp như giảm lượng giống gieo sạ, quản lý nước theo phương pháp tưới ướt – khô xen kẽ (AWD), sử dụng phân bón hợp lý, quản lý dịch hại tổng hợp và xử lý rơm rạ sau thu hoạch sẽ góp phần giảm chi phí, giảm phát thải và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Đối với cây ăn trái, cần từng bước hình thành vùng nguyên liệu tập trung, quản lý mã số vùng trồng, thực hiện quy trình sản xuất an toàn, sử dụng vật tư hợp lý và tăng cường truy xuất nguồn gốc. Trong nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi, trọng tâm là kiểm soát môi trường, nâng cao an toàn sinh học, sử dụng hiệu quả thức ăn, nước và năng lượng, đồng thời xử lý chất thải theo hướng tuần hoàn.

Biến phụ phẩm thành tài nguyên

Một trong những điểm nhấn của kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp là không để phụ phẩm trở thành chất thải.

Rơm rạ sau thu hoạch có thể được sử dụng để trồng nấm, sản xuất phân hữu cơ, than sinh học hoặc thu gom làm nguyên liệu phục vụ các cơ sở sản xuất. Phụ phẩm cây ăn trái có thể được tận dụng để ủ phân, làm thức ăn hoặc nguyên liệu chế biến phù hợp.

Chất thải chăn nuôi có thể xử lý qua biogas, sản xuất phân hữu cơ; phụ phẩm thủy sản có thể tiếp tục được khai thác để tạo ra các sản phẩm có giá trị. Cách làm này không chỉ góp phần giảm ô nhiễm môi trường mà còn mở ra nguồn thu mới từ chính những thứ trước đây bị bỏ đi.

Đối với người nông dân, kinh tế tuần hoàn vì vậy không phải là khái niệm xa vời. Đó có thể bắt đầu từ việc không đốt rơm rạ, thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định, tận dụng phụ phẩm làm phân hữu cơ, tiết kiệm nước, điện và vật tư đầu vào.

Mỗi thay đổi nhỏ trong quy trình sản xuất, nếu được thực hiện trên diện rộng, sẽ tạo ra hiệu quả lớn về kinh tế và môi trường.

Khuyến nông phải gần dân, sát cơ sở

Để các giải pháp đi vào thực tế, công tác khuyến nông cần tiếp tục đổi mới theo hướng không chỉ chuyển giao kỹ thuật mà còn đồng hành với nông dân trong tổ chức sản xuất, liên kết thị trường và ứng dụng công nghệ.

Phương châm phối hợp được đề xuất là **“3 gần, 5 phải, 4 không”**.

“3 gần” là gần dân, gần cơ sở và gần không gian số. **“5 phải”** gồm: phải lắng nghe khó khăn của nông dân; phải giải thích rõ vì sao cần thay đổi; phải làm mô hình để nông dân thấy hiệu quả; phải theo đến cùng những việc đã triển khai; và phải báo cáo bằng kết quả cụ thể. Đồng thời, cần **“4 không”**: không hình thức; không né tránh những thay đổi khó như giảm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hay chấm dứt đốt rơm rạ; không đùn đẩy trách nhiệm; và không làm thay chức năng của nhau mà phải phối hợp đúng vai, đúng việc, đúng trách nhiệm.

Trong quá trình này, Hội Nông dân, Tổ Khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã, doanh nghiệp và ngành chuyên môn cần tạo thành mạng lưới đồng hành trực tiếp với nông dân. Ruộng đồng, vườn cây, ao nuôi chính là lớp học; mô hình hiệu quả chính là bài giảng; nông dân sản xuất giỏi chính là người hướng dẫn thực tế.

Mỗi hội viên – một việc làm xanh

Một hướng triển khai thiết thực được đề

xuất là phát động “Mỗi hội viên – một việc làm xanh”, bắt đầu từ những việc cụ thể trong sản xuất hằng ngày.

Mỗi hộ có thể chủ động rà soát nhu cầu của đất, nước và cây trồng; giảm giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật khi điều kiện cho phép; không đốt rơm rạ; thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật; tiết kiệm nước, điện và vật tư; tham gia Tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc liên kết sản xuất; ghi chép nhật ký sản xuất; ứng dụng các công cụ số để theo dõi thời tiết, giá cả, sâu bệnh và thị trường.

Đặc biệt, nông dân cần từng bước làm chủ dữ liệu sản xuất của chính mình, từ thông tin vùng trồng, quy trình canh tác đến nhật ký sản xuất và truy xuất nguồn gốc. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để nâng cao tính minh bạch, đáp ứng yêu cầu thị trường và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị.

Cùng với đó, việc xây dựng mã số vùng trồng, tổ chức vùng nguyên liệu và liên kết với doanh nghiệp cần được đẩy mạnh, giúp sản xuất chuyển từ “làm ra rồi tìm nơi bán” sang “sản xuất theo yêu cầu của thị trường”.

Mục tiêu cuối cùng của nông nghiệp xanh và kinh tế tuần hoàn không nằm ở những khẩu hiệu lớn, mà phải được đo bằng những kết quả rất cụ thể: chi phí sản xuất giảm, tài nguyên được sử dụng hiệu quả hơn, phát thải giảm, chất lượng nông sản tốt hơn và thu nhập của nông dân được nâng lên.

Một cánh đồng không còn đốt rơm, một vườn cây sử dụng vật tư hợp lý, một ao nuôi kiểm soát tốt môi trường, một trang trại tận dụng chất thải để tạo phân hữu cơ, một người nông dân biết ghi chép và sử dụng dữ liệu số – đó chính là những bước đi cụ thể để hình thành nền nông nghiệp xanh, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nông nghiệp xanh bắt đầu từ đồng ruộng sạch; kinh tế tuần hoàn bắt đầu từ việc không lãng phí phụ phẩm; còn mục tiêu cuối cùng vẫn là tạo ra giá trị cao hơn và một cuộc sống tốt hơn cho người nông dân./.

ĐỒNG THÁP TRIỂN KHAI MRV, TỪNG BƯỚC LƯỢNG HÓA HIỆU QUẢ GIẢM PHÁT THẢI TRÊN ĐỒNG RUỘNG

Trung tâm KN & DVNN

Thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”, Đồng Tháp đang từng bước triển khai hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định giảm phát thải (MRV), qua đó lượng hóa kết quả giảm phát thải trên đồng ruộng và tạo nền tảng nâng cao giá trị ngành hàng lúa gạo.

Từ thay đổi phương thức canh tác đến lượng hóa giảm phát thải

Đề án 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp đặt ra yêu cầu không chỉ tổ chức lại sản xuất theo hướng hiệu quả, bền vững mà còn phải đo lường được những thay đổi trên đồng ruộng. Đây là cơ sở để xác định mức giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng dữ liệu phục vụ quản lý và từng bước tiếp cận các cơ chế thị trường carbon trong tương lai.

Tại Đồng Tháp, công tác chỉ đạo, tuyên truyền, tập huấn và triển khai các quy trình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp được thực hiện tương đối đồng bộ. Nguồn lực từ công tác khuyến nông, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hỗ

trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa cùng các chương trình, dự án hợp tác được lồng ghép để tổ chức thực hiện.

Trong giai đoạn 2024-2025, diện tích theo kế hoạch tham gia Đề án tại Đồng Tháp là 72.103 ha. Đến cuối năm 2025, diện tích thực hiện đạt trên 75.000 ha, tương đương 104% kế hoạch. Tỉnh đã triển khai 21 mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp với tổng kinh phí 46,9 tỷ đồng; đồng thời phối hợp triển khai Dự án TRVC trên diện tích 26.231 ha, với 8.385 hộ tham gia.

Kết quả từ các mô hình bước đầu cho thấy hiệu quả khá rõ. Lượng giống gieo sạ giảm từ 46-53%; phân bón hóa học giảm 38-42%; thuốc bảo vệ thực vật giảm 22-37%. Trong khi đó, năng suất tăng từ 420-442 kg/ha, lợi nhuận tăng khoảng 4,5-7 triệu đồng/ha/vụ. Đáng chú ý, mức giảm phát thải được ghi nhận từ 3,1-4,9 tấn CO₂ tương đương/ha/vụ.

Những kết quả trên là cơ sở thực tiễn quan trọng để Đồng Tháp tiếp tục chuẩn hóa quy trình sản xuất, đồng thời xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ MRV.

MRV – từ dữ liệu đồng ruộng đến quản trị vùng sản xuất

MRV gồm ba cấu phần chính: đo đạc (Measurement), báo cáo (Reporting) và thẩm định/xác minh (Verification). Trong sản xuất lúa, hệ thống này tập trung thu thập nhiều nhóm dữ liệu như diện tích, ranh giới vùng sản xuất, giống và lượng giống gieo sạ, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế độ tưới tiêu, thời gian rút nước, quản lý rơm rạ, năng suất và các thông tin liên quan đến phát thải khí nhà kính, chủ yếu là CH_4 và N_2O .

Năm 2026, Đồng Tháp triển khai MRV tại 30 điểm, quy mô khoảng 100 ha/điểm, tổng diện tích khoảng 3.000 ha tại 30 HTX/THT. Mỗi điểm bố trí 10 SPOT, mỗi SPOT có 3 vị trí đo, nâng tổng số lên 900 vị trí đo. Việc theo dõi được thực hiện liên tục trong 2 vụ/năm nhằm thu thập dữ liệu qua nhiều mùa vụ, từng bước hoàn thiện đường phát thải cơ sở và đánh giá mức giảm phát thải.

Quy trình thực hiện kết hợp giữa khảo sát thực địa, định vị các điểm đo, số hóa ranh giới vùng sản xuất, phỏng vấn nông dân, thu thập thông tin canh tác và cập nhật dữ liệu lên phần mềm MRV. Tại các điểm đo, SPOT được gắn biển nhận diện, bố trí ống đo mực nước và theo dõi định kỳ trong suốt vụ sản xuất.

Việc thu thập dữ liệu không đơn thuần là ghi nhận các chỉ tiêu kỹ thuật mà còn giúp hình thành “hồ sơ canh tác” của từng vùng sản xuất. Khi dữ liệu được chuẩn hóa, có địa chỉ, diện tích và quá trình canh tác cụ thể, cơ quan quản lý có thêm cơ sở để đánh giá hiệu quả sản xuất, kiểm soát quy trình và hoạch định chính sách.

HTX là “hạt nhân dữ liệu” tại vùng sản xuất

Trong quá trình triển khai MRV, hợp tác xã (HTX) và tổ hợp tác (THT) giữ vai trò quan trọng bởi đây là lực lượng trực tiếp kết nối nông dân với cán bộ kỹ thuật và cơ quan quản lý.

HTX/THT phối hợp rà soát hộ tham gia, xác định diện tích và ranh giới vùng sản xuất, hỗ

trợ bố trí các điểm đo, ghi chép nhật ký đồng ruộng và thu thập thông tin về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, quản lý nước, rơm rạ và năng suất.

Đồng thời, HTX/THT phối hợp với cán bộ khuyến nông cấp xã, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công cấp xã hoặc Tổ khuyến nông cộng đồng hướng dẫn nông dân thực hiện đúng quy trình sản xuất và cung cấp thông tin đầy đủ cho hệ thống MRV.

HTX/THT không phải là đơn vị chủ trì toàn bộ hệ thống MRV và cũng không thay thế chức năng thẩm định, xác minh. Tuy nhiên, với vai trò tổ chức sản xuất tại cơ sở, HTX/THT chính là mắt xích quan trọng bảo đảm dữ liệu có nguồn gốc, có địa chỉ và gắn với thực tế sản xuất.



Hình ảnh Ống PVC được sử dụng để theo dõi mực nước ruộng theo phương pháp tưới ướt - khô xen kẽ (AWD).

Không chỉ đo phát thải, mà còn quản trị sản xuất

Thực tế triển khai cho thấy MRV là nội dung mới, yêu cầu cao về chuyên môn, tính chính xác của dữ liệu và khả năng phối hợp giữa nhiều lực lượng. Hệ thống dữ liệu sản xuất ở một số nơi chưa đồng bộ; việc ghi chép nhật ký và số hóa dữ liệu còn phụ thuộc nhiều vào từng hộ dân. Trong khi đó, cán bộ

cơ sở, HTX/THT và nông dân phải tiếp cận thêm các kỹ thuật đo đạc, biểu mẫu và phần mềm MRV.

Một số vùng sản xuất vẫn còn hạn chế về hạ tầng thủy lợi, quản lý nước, cơ giới hóa, thu gom và xử lý rơm rạ. Liên kết chuỗi giá trị chưa thật sự chặt chẽ, trong khi lợi ích trực tiếp mà MRV mang lại cho nông dân và HTX chưa được thể hiện đầy đủ.

Từ thực tiễn triển khai, một trong những bài học quan trọng là **MRV phải gắn với mô hình sản xuất cụ thể và lợi ích thực tế của người sản xuất**. Nếu chỉ xem MRV là hoạt động đo đạc để phục vụ báo cáo thì khó duy trì lâu dài. Ngược lại, khi dữ liệu MRV được sử dụng để giảm chi phí đầu vào, quản lý nước, nâng cao năng suất, truy xuất nguồn gốc, xây dựng vùng nguyên liệu và kết nối thị trường, người dân sẽ có động lực tham gia.

Chuyển đổi số vì vậy trở thành một điều kiện quan trọng để mở rộng MRV. Nhật ký điện tử, bản đồ số vùng sản xuất, định vị điểm đo, phần mềm quản lý dữ liệu và các ứng dụng trên thiết bị di động sẽ giúp giảm thời gian tổng hợp, hạn chế sai lệch và tăng khả năng kiểm chứng dữ liệu.

Cùng với đó, việc đào tạo cần được thực hiện đồng thời cho cán bộ kỹ thuật, cán bộ HTX, Tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân. Nội dung không chỉ tập trung vào kỹ thuật sản xuất lúa phát thải thấp mà còn phải bao gồm kỹ năng thu thập dữ liệu, ghi chép nhật ký, quản lý nước, quản lý rơm rạ và sử dụng các công cụ số.

Tạo nền tảng cho ngành hàng lúa gạo minh bạch và giá trị cao

Theo kế hoạch năm 2026, Đồng Tháp tổ chức **02 lớp đào tạo ToT, 06 lớp ToF và 30 lớp tập huấn**; sử dụng các công cụ gồm ống đo mực nước, biển SPOT, phần mềm MRV và Rize App. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện khoảng **1,42 tỷ đồng**.

Các dữ liệu được thu thập tập trung vào ranh giới vùng sản xuất, chế độ nước, vật tư đầu vào, quản lý rơm rạ, năng suất, nhật ký canh tác và các chỉ tiêu phục vụ xác định phát thải CH_4 , N_2O .

Trong thời gian tới, việc hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật MRV, thống nhất bộ chỉ tiêu dữ liệu, phương pháp thu thập, tần suất đo, chế độ báo cáo và xác minh là yêu cầu cần thiết. Đồng thời, cần tiếp tục nâng cao năng lực cho hệ thống khuyến nông, HTX/THT và lực lượng kỹ thuật tại cơ sở; tăng cường ứng dụng công nghệ số và kết nối với các viện, trường, doanh nghiệp công nghệ để hoàn thiện hệ thống dữ liệu.

Bên cạnh đó, việc phát triển hạ tầng thủy lợi, cơ giới hóa, cơ sở sấy, thu gom và xử lý rơm rạ cần được triển khai đồng bộ với sản xuất phát thải thấp. Cơ chế chứng nhận kết quả giảm phát thải, tín chỉ carbon và chia sẻ lợi ích cũng cần được tiếp tục hoàn thiện để tạo động lực kinh tế cho nông dân và HTX.

Từ những thay đổi trong phương thức canh tác đến việc ghi nhận từng dữ liệu trên đồng ruộng, MRV đang mở ra một cách tiếp cận mới trong quản lý sản xuất lúa. **Mỗi diện tích, mỗi mùa vụ và mỗi thay đổi trong canh tác đều có thể được lượng hóa bằng dữ liệu**, qua đó chuyển từ đánh giá định tính sang quản trị dựa trên bằng chứng.

Với quy mô 30 điểm, khoảng 3.000 ha và 900 vị trí đo trong năm 2026, Đồng Tháp đang từng bước xây dựng nền tảng, dữ liệu phục vụ quản lý vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp. Khi hệ thống MRV được hoàn thiện và vận hành ổn định, dữ liệu không chỉ giúp xác định mức giảm phát thải mà còn trở thành công cụ nâng cao hiệu quả sản xuất, minh bạch hóa chuỗi giá trị và gia tăng giá trị hạt gạo Đồng Tháp.

Đây cũng là bước đi quan trọng để thực hiện mục tiêu của Đề án 1 triệu héc-ta lúa: **sản xuất hiệu quả hơn, phát thải thấp hơn và giá trị hạt gạo cao hơn**, hướng đến một ngành hàng lúa gạo xanh, minh bạch và bền vững./.



AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP: TỪ TƯ DUY SẢN XUẤT SANG TƯ DUY KINH TẾ XANH VÀ BỀN VỮNG

 Võ Hiền Phương – Phòng Dịch vụ nông nghiệp

ĐỒNG THÁP đang khẳng định mạnh mẽ vai trò là một trong những trung tâm nông nghiệp chủ lực của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và yêu cầu khắt khe của thị trường toàn cầu, an toàn thực phẩm (ATTP) không chỉ là tiêu chuẩn kỹ thuật mà đã trở thành "giấy thông hành" quyết định sức sống và giá trị của nông sản Việt.

Tiêu chuẩn khắt khe từ thị trường xuất khẩu:

Các thị trường lớn như Liên minh Châu Âu (EU), Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc ngày càng siết chặt các hàng rào kỹ thuật về kiểm soát dư lượng hóa chất, kim loại nặng và truy xuất

nguồn gốc. Đơn cử như ngành hàng sầu riêng hay lúa gạo của Đồng Tháp, yêu cầu kiểm soát tốt các chỉ tiêu như hàm lượng Cadimi (Cd) hay dư lượng thuốc bảo vệ thực vật là điều kiện sống còn để giữ vững uy tín xuất khẩu.

Sự chuyển dịch của thị trường nội địa:

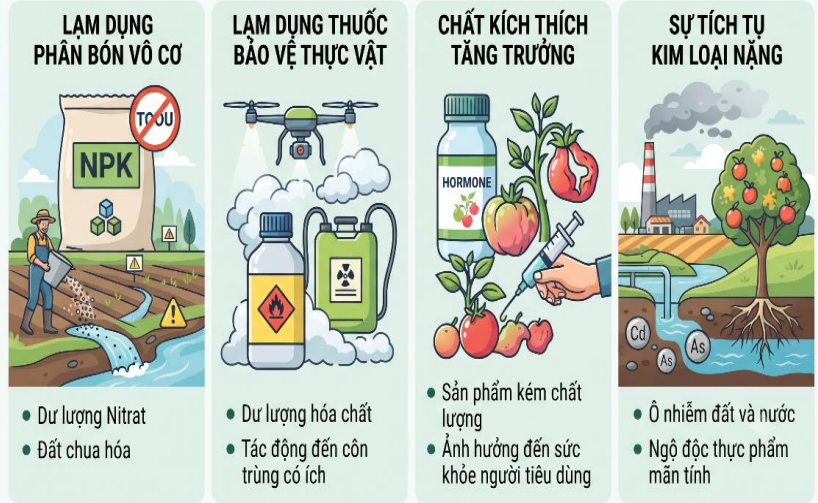
Người tiêu dùng trong nước hiện nay đã thay đổi thói quen, sẵn sàng chi trả cao hơn cho các sản phẩm nông sản sạch, có chứng nhận hữu cơ, VietGAP hoặc GlobalGAP. Việc xây dựng và nhân rộng mô hình chợ đạt chuẩn ATTP đang được Đồng Tháp triển khai quyết liệt nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng từ gốc.

Nhận diện các mối nguy chính trong sản xuất nông nghiệp ban đầu: Quá trình kiểm soát ATTP trong sản xuất nông nghiệp hiện nay đang đối mặt với không ít thách thức từ các nhóm mối nguy chính:

Môi nguy hóa học:

Tình trạng lạm dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học, chất kích thích tăng trưởng hoặc sự tích tụ kim loại nặng tự nhiên trong đất/nước (như Cadimi ở một số vùng trồng cây ăn trái) nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ để lại tồn dư vượt ngưỡng.

CÁC MỐI NGUY HÓA HỌC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP



CÁC MỐI NGUY SINH HỌC TRONG NÔNG NGHIỆP: E. coli VÀ Salmonella



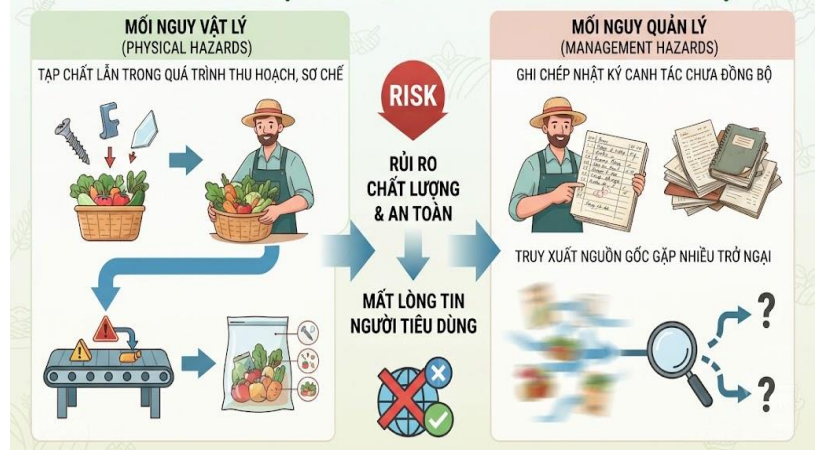
Môi nguy sinh học:

Ô nhiễm vi sinh vật (E. coli, Salmonella,...) trong canh tác rau màu, nuôi trồng thủy sản do sử dụng nguồn nước tưới chưa qua xử lý hoặc phân chuồng chưa hoại mục.

Môi nguy vật lý và quản lý:

Tạp chất lẫn trong quá trình thu hoạch, sơ chế; việc ghi chép nhật ký canh tác chưa đồng bộ khiến khâu truy xuất nguồn gốc gặp nhiều trở ngại.

CÁC MỐI NGUY VẬT LÝ & QUẢN LÝ TRONG NÔNG NGHIỆP



Ứng dụng khoa học công nghệ và giải pháp chuyển đổi xanh

Nhằm giải quyết triệt để các mối nguy và đáp ứng xu thế mới, ngành nông nghiệp cần tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số một cách toàn diện:

- *Canh tác thông minh và nông nghiệp tuần hoàn:* Triển khai rộng rãi các quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn,... nhân rộng các mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với Đề án 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, nông nghiệp đô thị,...

- *Quản lý dinh dưỡng và đất trồng:* Phối hợp chặt chẽ với các nhà khoa học đưa ra các hướng dẫn về quản lý đất, xử lý tồn dư kim loại nặng, ứng dụng chế phẩm sinh học thay thế hóa chất độc hại.
- *Truy xuất nguồn gốc số hóa:* Đẩy mạnh ứng dụng mã định danh vùng trồng, cơ sở nuôi trồng, mã QR code trên sản phẩm để minh bạch hóa toàn bộ hành trình nông sản "từ trang trại đến bàn ăn".

Hình ảnh: Đo độ ẩm của đất



Hình ảnh: Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với Đề án 1 triệu héc-ta



Hình ảnh Kiểm tra an toàn thực phẩm trong phòng kiểm nghiệm

Trong những năm gần đây, công tác quản lý nhà nước về ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp tại Đồng Tháp đã và đang được định hình và củng cố vững chắc dựa trên hệ thống văn bản pháp lý đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

Về khung pháp lý chung:

- Luật An toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn thi hành, phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước xuyên suốt từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường đến Bộ Y tế và Bộ Công Thương.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc hình thành các

chuỗi giá trị nông sản an toàn.

Cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương:

- Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết này là "cú hích" lớn, trực tiếp hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác và nông hộ về chi phí lập kế hoạch liên kết, hỗ trợ máy móc thiết bị, bao bì, tem nhãn truy xuất nguồn gốc, qua đó chuẩn hóa toàn bộ quy trình sản xuất sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm từ gốc.

Sản xuất nông nghiệp an toàn không chỉ là tuân thủ pháp luật mà còn là đạo đức kinh doanh, là chìa khóa để nâng tầm thương hiệu nông sản tỉnh Đồng Tháp trên thị trường quốc tế. Mỗi nông dân, mỗi hợp tác xã hãy tiên phong hành động vì một nền nông nghiệp xanh, sạch và bền vững.

**DẤU
ẤN 03
NĂM**

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TẠI ĐỒNG THÁP

✍ Phạm Thị Kim Ngọc – Phòng Khuyến nông

Sau 03 năm triển khai giai đoạn 2023–2026, Dự án Phát triển nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Đồng Tháp đã đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận trong đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, chế biến nông sản, quản lý kinh doanh, phát triển sản phẩm và kết nối thị trường. Không chỉ tạo ra những kết quả cụ thể về số lượng người được đào tạo, sản phẩm được phát triển và lượng nông sản tiêu thụ, dự án còn góp phần hình thành nền tảng để tiếp tục thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hữu cơ và bền vững trong thời gian tới.

BA NĂM TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Dự án Phát triển nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2023–2026 tập trung vào ba nội dung chính gồm sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chế biến thực phẩm và quản lý kinh doanh, đồng thời tổ chức đào tạo giảng viên nguồn, phát triển sản phẩm mới và tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên, sinh viên và người sản xuất tiếp cận kinh nghiệm thực tế từ Nhật Bản.

Trong lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ, dự án đã tổ chức 8 khóa đào tạo do 5 chuyên gia Nhật Bản hướng dẫn, với 800 lượt người tham gia. Nội dung tập huấn tập trung vào kỹ thuật trồng rau và cây ăn trái hữu cơ, làm phân ủ, quản lý sâu bệnh, luân canh cây trồng và mở rộng kênh tiêu thụ nông sản hữu cơ.

Đối với lĩnh vực chế biến thực phẩm, dự án tổ chức 8 khóa đào tạo với 630 lượt người

tham gia. Thông qua các lớp học và thực hành, học viên được tiếp cận kiến thức về chế biến, vệ sinh an toàn thực phẩm và cách tận dụng nguồn nguyên liệu nông sản địa phương để phát triển sản phẩm mới.

Bên cạnh đó, nội dung quản lý kinh doanh được chú trọng với 8 khóa đào tạo, 8 cuộc họp trực tuyến và 920 lượt người tham gia. Nội dung gồm quản lý cơ sở chế biến, bảo đảm an toàn thực phẩm và xây dựng kế hoạch kinh doanh gắn với thế mạnh của địa phương.

Đặc biệt, dự án đã tổ chức 3 khóa đào tạo TOT, đào tạo 30 giảng viên, góp phần tạo lực lượng tiếp tục chuyển giao những kiến thức và kỹ năng đã được tiếp nhận đến sinh viên và người sản xuất. Nội dung tập huấn của chuyên gia Nhật Bản sau đó đã được giảng viên Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp đưa vào giảng dạy và tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.





Hình ảnh Phát triển chế biến xoài sấy dẻo từ nông sản địa phương

TỪ SẢN XUẤT ĐẾN CHẾ BIẾN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Một điểm nổi bật của dự án trong 03 năm là không chỉ chú trọng khâu sản xuất mà còn từng bước kéo dài chuỗi giá trị thông qua chế biến và phát triển sản phẩm.

Dưới sự hướng dẫn của chuyên gia, dự án đã phát triển được xoài sấy, siro gừng và 9 loại kem sử dụng nguồn nguyên liệu nông sản địa phương. Cùng với đó, nhiều thiết bị phục vụ chế biến được hỗ trợ như máy sấy, máy làm kem, máy thanh trùng, máy hút chân không, thiết bị cấp đông nhanh, tủ đông và vật tư, bao bì, nhãn sản phẩm.

Việc hỗ trợ thiết bị giúp tăng khả năng thực hành, hoàn thiện quy trình chế biến và từng bước hình thành sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn từ nguồn nguyên liệu địa phương.



TĂNG CƯỜNG TRAO ĐỔI, HỌC TẬP KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Trong ba năm triển khai, dự án đã tổ chức 2 chuyến học tập kinh nghiệm tại Nhật Bản vào năm 2024 và năm 2026, với tổng cộng 26 người tham gia.

Các đoàn đã tham quan, tìm hiểu những mô hình phát triển cộng đồng thân thiện với môi trường; sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản hữu cơ và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm địa phương.

Từ những chuyến học tập này, một số ý tưởng đã được nghiên cứu, vận dụng như sản xuất lúa giảm hóa chất và xây dựng thương hiệu cho nông dân quanh Vườn quốc gia Tràm Chim; trồng xoài trong chậu; phát triển sản phẩm từ nông sản địa phương; tăng cường cung cấp thông tin và kết nối giữa người sản xuất với người tiêu dùng.



Hình ảnh đoàn Đồng Tháp học tập kinh nghiệm về sản xuất, chế biến, xây dựng thương hiệu và phát triển cộng đồng tại Nhật Bản.



CƠ CHẾ PHỐI HỢP GÓP PHẦN DUY TRÌ HIỆU QUẢ DỰ ÁN

Một yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm tiến độ của dự án là cơ chế trao đổi thường xuyên giữa các bên.

Trong giai đoạn 2023–2026, dự án đã tổ chức 38 cuộc họp định kỳ với 340 lượt người tham dự. Qua các cuộc họp, tình hình triển khai được cập nhật thường xuyên, các vấn đề phát sinh được trao đổi và xử lý kịp thời.

Bên cạnh đó, 4 cuộc họp sơ kết, đánh giá với 280 người tham dự được tổ chức nhằm chia sẻ tiến độ, kết quả, những khó khăn, thách thức và cùng thảo luận các giải pháp cải thiện hoạt động.

Tổng kinh phí dành cho các hoạt động trong giai đoạn 2023–2026 là khoảng 249.144 USD, tương đương hơn 6,47 tỷ đồng, gồm hỗ trợ vật tư, máy móc; tổ chức tập huấn, họp và các chuyến học tập kinh nghiệm tại Nhật Bản.

NNHỮNG GIÁ TRỊ TIẾP TỤC ĐƯỢC LAN TOẢ

Ba năm triển khai Dự án Phát triển nông nghiệp hữu cơ đã tạo nên những kết quả cụ thể về đào tạo, kỹ thuật, chế biến, sản phẩm và thị trường. Quan trọng hơn, dự án đã góp phần hình thành cách tiếp cận mới trong phát triển nông nghiệp: không chỉ sản xuất ra nông sản mà phải đồng thời quan tâm đến con người, môi trường, chế biến, kinh doanh và thị trường.

Từ những lớp tập huấn, mô hình thực hành, sản phẩm chế biến và hoạt động trao đổi kinh nghiệm, các bên tham gia đã tích lũy thêm kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tế để tiếp tục phát triển nông nghiệp hữu cơ theo hướng bền vững.

Những kết quả đó chính là nền tảng để Đồng Tháp tiếp tục nhân rộng các cách làm phù hợp, khai thác tốt hơn giá trị của nông sản địa phương và từng bước hướng đến nền nông nghiệp xanh, hiệu quả và bền vững trong giai đoạn mới./.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA SINH THÁI TẠI XÃ TRÀM CHIM KẾT QUẢ VÀ KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG



*Thành Lập - Trung tâm Cung ứng
DVC xã Tràm Chim*



Sáng ngày 08/8/2026, Ủy ban nhân dân xã Tràm Chim tổ chức hội thảo, đánh giá mô hình “Sản xuất lúa sinh thái” vụ Hè Thu năm 2026. Đây là hoạt động nhằm đánh giá kết quả thực hiện mô hình thí điểm, hiệu quả kinh tế – môi trường, đồng thời rút kinh nghiệm và định hướng nhân rộng mô hình trong những vụ sản xuất tiếp theo.

Tham dự hội thảo có đại diện lãnh đạo Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Tràm Chim; các cơ quan chuyên môn, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác cùng đồng đạo cán bộ kỹ thuật và nông dân trong và ngoài vùng thực hiện mô hình. Sự tham gia của nhiều thành phần cho thấy quyết tâm xây dựng chuỗi liên kết sản xuất lúa bền vững gắn với bảo tồn hệ sinh thái vùng đệm Vườn Quốc gia Tràm Chim đặc trưng của vùng Đồng Tháp Mười.

Các đại biểu đã khảo sát thực tế tại ruộng

thực hiện mô hình của hộ ông Bùi Quang Sang ở ô bao 43B. Tại đây, nông dân và cán bộ kỹ thuật cùng trao đổi về quy trình canh tác, quản lý nước, sử dụng vật tư nông nghiệp, tình hình sâu bệnh cũng như việc thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm. Những ý kiến thực tiễn từ đồng ruộng đã tạo cơ sở quan trọng cho việc đánh giá khách quan hiệu quả của mô hình.

Hiệu quả bước đầu tích cực

Mô hình được triển khai trên diện tích 4,5 ha, áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp sản xuất lúa sinh thái như giảm lượng giống gieo sạ, sử dụng phân bón hữu cơ và chế phẩm sinh học, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), hạn chế thuốc bảo vệ thực vật hóa học và xử lý rơm rạ sau thu hoạch nhằm cải thiện chất lượng đất và môi trường.



Qua đánh giá, mô hình đã đạt 6/9 tiêu chí cơ bản của sản xuất lúa sinh thái. Đáng chú ý, nhận thức của nông dân về canh tác thân thiện với môi trường có sự chuyển biến rõ rệt; sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn và người dân ngày càng chặt chẽ, tạo nền tảng cho việc mở rộng vùng sản xuất trong thời gian tới

Về hiệu quả kinh tế, năng suất bình quân ước đạt 6,7 tấn/ha với giá bán khoảng 6.700 đồng/kg, tổng thu đạt gần 44,8 triệu đồng/ha, sau khi trừ chi phí sản xuất khoảng 27 triệu đồng/ha, lợi nhuận đạt khoảng 17,8 triệu đồng/ha. Trên toàn bộ diện tích 4,5 ha, ước đạt sản lượng 30,15 tấn, mang lại tổng lợi nhuận khoảng 80,1 triệu đồng.

Hướng tới vùng nguyên liệu lúa sinh thái quy mô lớn

Bên cạnh kết quả đạt được, hội nghị cũng chỉ ra một số hạn chế như quy mô sản xuất còn nhỏ, mới thực hiện trong một vụ; một số tiêu chí về quản lý đất, nguồn nước, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường chưa được hoàn thiện. Việc liên kết tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp vẫn còn khó khăn do vùng nguyên liệu chưa đủ lớn, trong khi một bộ phận nông dân vẫn còn dè dặt

trong việc tiếp cận phương thức canh tác mới.

Phát biểu tại hội nghị, ông Huỳnh Thanh Dũng, Phó Chủ tịch UBND xã Tràm Chim, nhấn mạnh địa phương sẽ tiếp tục duy trì diện tích hiện có và phấn đấu mở rộng mô hình lên 20 ha trong vụ Đông Xuân 2026–2027. Đồng thời, xã tăng cường liên kết với Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (VINARICE) và các doanh nghiệp có năng lực nhằm hình thành vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, thu mua và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Về lâu dài, Tràm Chim đặt mục tiêu phát triển từ 500 ha lúa sinh thái trở lên vào năm 2030, gắn sản xuất nông nghiệp với bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải và phát triển du lịch sinh thái. Đây được xem là hướng đi phù hợp để nâng cao giá trị hạt gạo, cải thiện thu nhập cho người dân và xây dựng nền nông nghiệp xanh, bền vững trên vùng đất ngập nước đặc trưng của Đồng Tháp Mười./.





PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA CẦM BỀN VỮNG VÀ HIỆU QUẢ

Hồ Hoài Nhân – Phòng Khuyến nông

Vào ngày 11/8/2026, tại Nhà hàng Mỹ Tho Marina - Cảng Du thuyền, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp, Hội Chăn nuôi Việt Nam và Hội Chăn nuôi và Thú y tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Đồng Tháp, Tập đoàn Informa Markets và Ban tổ chức Triển lãm VIETSTOCK 2026 tổ chức Hội thảo đầu bờ “Phát triển chăn nuôi gia cầm bền vững và hiệu quả”. Hội thảo thu hút hơn 400 đại biểu là cán bộ quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp và người chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh, thành trong khu vực tham dự.

Phát biểu khai mạc, ThS. Hồ Huỳnh Mai – Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Đồng Tháp cho biết, chăn nuôi gia cầm là một trong những ngành sản xuất quan trọng của tỉnh, với tổng đàn trên 23 triệu con, góp phần tạo việc làm, thu nhập và thúc đẩy kinh tế nông nghiệp.

Theo Ông Hồ Huỳnh Mai, quy mô đàn lớn cũng đặt ra nhiều yêu cầu trong công tác kiểm soát dịch bệnh, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng Tháp cần phát huy lợi thế về quy mô đàn, đồng thời chủ động ứng phó với chi phí đầu vào, nguy cơ dịch bệnh và yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Tại hội thảo, TS. Nguyễn Quốc Đạt – Phó Chủ tịch Hội Chăn nuôi Việt Nam trình bày chuyên đề “Chăn nuôi gia cầm Việt Nam – Cơ hội và thách thức”. Theo chuyên gia, ngành chăn nuôi gia cầm Việt Nam có lợi thế về quy mô đàn, thị trường tiêu thụ và năng lực sản xuất. Tuy nhiên, ngành đang chịu sức ép từ chi phí đầu vào, sự phụ thuộc vào nguyên liệu và giống nhập khẩu, cũng như yêu cầu ngày càng cao về an toàn thực phẩm và môi trường.



Đáng chú ý, Trong 6 tháng đầu năm 2026, sản lượng thịt gia cầm hơi đạt khoảng **1,3 triệu tấn**, sản lượng trứng đạt **10,8 tỷ quả**, trong khi lượng thịt gia cầm nhập khẩu đạt khoảng **185–195 nghìn tấn**. Trước yêu cầu mới, ngành cần tập trung tăng cường an toàn sinh học, chủ động phòng bệnh, nâng cao chất lượng nguồn giống và thức ăn, ứng dụng khoa học – công nghệ và công nghệ xử lý chất thải, chuyển đổi số **đẩy mạnh liên kết chuỗi và chế biến sâu**, đồng thời phát triển chăn nuôi theo hướng **an toàn, xanh, tuần hoàn và gắn với thị trường**.

Phát triển chăn nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn

Một điểm nhấn mạnh tại hội thảo là chuyên đề về **phát triển chăn nuôi gia cầm bền vững thông qua mô hình sản xuất tuần hoàn và nâng cao hiệu quả kinh tế** do TS. Hoàng Tuấn Thành – Giám đốc Trạm Nghiên cứu Chăn nuôi VIGOVA, Phân viện Chăn nuôi Thú y Nam bộ trình bày.

Theo chuyên đề, chuyển từ mô hình sản xuất tuyến tính sang **kinh tế tuần hoàn** giúp tận dụng chất thải, phụ phẩm, giảm chi phí sản xuất và hạn chế ô nhiễm môi trường. Một số mô hình được giới thiệu tại hội thảo gồm: **gia cầm – biogas – cây trồng; gia cầm – trùn quế – phân hữu cơ; sử dụng đệm lót sinh học; gia cầm – cá – cây trồng; chăn nuôi công nghệ cao ứng dụng AI, IoT**.



Diễn giả trực tiếp trao đổi, giải đáp các ý kiến của đại biểu tại Hội thảo.

Tại phiên thảo luận và trao đổi trực tiếp, các chuyên gia và nhà khoa học tập trung giải đáp những vấn đề được người chăn nuôi quan tâm từ sử dụng kháng sinh, phát triển kinh tế tuần hoàn, định hướng phát triển ngành chăn nuôi đến giải pháp giảm chi phí sản xuất.

Hội thảo đồng thời mở rộng kết nối giữa cơ quan quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp và người chăn nuôi, tạo điều kiện chia sẻ kinh nghiệm và thúc đẩy liên kết trong chuỗi giá trị gia cầm. Trong thời gian tới, Đồng Tháp tiếp tục tập trung vào **tăng cường an toàn sinh học, chủ động phòng chống dịch bệnh, sử dụng kháng sinh có trách nhiệm, ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, liên kết chuỗi giá trị và phát triển kinh tế tuần hoàn**.

Đây là những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, giảm phát thải, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển **nông nghiệp xanh, hiệu quả, bền vững tại Đồng Tháp nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung**.



CHỦ ĐỘNG THẢ GIỐNG CHO MÔ HÌNH SINH KẾ MÙA LŨ THUỘC DỰ ÁN WWF – VIỆT NAM

 Thành Lập – Trung tâm CUDVC xã Tràm Chim



Vừa qua, Vườn Quốc gia Tràm Chim, Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên tại Việt Nam (WWF-VN) đã phối hợp UBND xã Phú Thọ, tỉnh Đồng Tháp tiến hành thả cá giống mô hình sinh kế nuôi trữ cá mùa lũ tại HTX sản xuất lúa sinh thái Quyết Tiến và nông hộ nuôi cá lóc, cá mè tại ô bao số 13 xã Phú Thọ.



Nhằm tận dụng lợi thế mùa nước nổi, đồng thời nâng cao hiệu quả các mô hình sinh kế thích ứng với điều kiện tự nhiên tại địa phương, thời gian qua các hộ dân tham gia Dự án WWF-Việt Nam trên địa bàn xã Phú Thọ, tỉnh Đồng Tháp đã chủ động thực hiện mô hình nuôi trữ cá mùa lũ, sẵn sàng bước vào vụ nuôi mới trước khi mùa lũ chính thức bắt đầu.



Theo ghi nhận, các hộ dân tham gia mô hình đã tiến hành cải tạo ao, gia cố bờ bao, vệ sinh khu vực nuôi và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để thả giống sớm hơn cùng kỳ hằng năm. Việc chủ động thả giống sớm giúp cá có thời gian thích nghi với môi trường, phát triển ổn định trước khi nguồn nước lũ tràn đồng, từ đó nâng cao tỷ lệ sống và hiệu quả sản xuất.

Mô hình nuôi trữ cá mùa lũ là một trong những hoạt động sinh kế được Dự án WWF-Việt Nam viện trợ nhằm góp phần bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản bản địa, đồng thời tạo thêm thu nhập cho người dân vùng đệm Vườn Quốc gia Tràm Chim. Các đối tượng nuôi chủ yếu là những loài cá đồng có giá trị kinh tế và phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Trong quá trình thực hiện, người dân được hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật về chọn

giống, chăm sóc, quản lý môi trường nước và phòng ngừa dịch bệnh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất; đặc biệt được truyền thông các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản vào mùa nước lũ.

Người dân cho biết việc thả giống sớm mang lại nhiều thuận lợi, đặc biệt là tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên phong phú khi nước lũ về. Đây là yếu tố giúp giảm chi phí đầu tư thức ăn, đồng thời tạo điều kiện cho cá phát triển tốt, chất lượng sản phẩm được nâng cao. Bên cạnh đó, việc chủ động chuẩn bị từ sớm cũng giúp người dân giảm bớt rủi ro do thời tiết bất thường hoặc những biến động của môi trường trong giai đoạn đầu vụ nuôi.

Theo ông Nguyễn Hiện Thuật là thành viên của HTX sản xuất lúa sinh thái tại xã Phú Thọ tỉnh Đồng Tháp nếu thực hiện tốt công tác chuẩn bị và thả giống sớm thì mô hình sinh kế nuôi trữ cá mùa lũ tại hợp tác xã với diện tích 18,3 ha sẽ thu được khoảng trên 15 tấn cá các loại, sau khi trừ các khoản chi phí, lợi nhuận đạt được trên 200 triệu đồng (mỗi hecta trên 10 triệu đồng).



Thực hiện mô hình sinh kế không chỉ góp phần tạo thêm nguồn thu nhập cho các hộ tham gia dự án mà còn nâng cao nhận thức của người dân về khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thông qua việc áp dụng các phương thức sản xuất thân thiện với môi trường, người dân từng bước thích ứng với những tác động của biến đổi khí hậu, đồng thời góp phần bảo tồn hệ sinh thái vùng đất ngập nước đặc trưng của địa phương.

Trong thời gian tới, các hộ dân sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ quá trình sinh trưởng của cá, thực hiện tốt các biện pháp chăm sóc theo hướng dẫn kỹ thuật và chủ động ứng phó với những diễn biến của thời tiết trong mùa lũ. Việc triển khai thả giống sớm được kỳ vọng sẽ mang lại vụ nuôi đạt năng suất, hiệu quả kinh tế cao, góp phần cải thiện đời sống người dân và phát huy hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sinh kế của Dự án WWF-Việt Nam./.

MÔ HÌNH NUÔI ỐC BƯƠU ĐEN – HƯỚNG PHÁT TRIỂN SINH KẾ BỀN VỮNG TẠI XÃ TRÀM CHIM

 Thành Lập – Trung tâm CUDVC xã Tràm Chim

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, Ông Trần Thanh Nam, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Tràm Chim cùng đoàn công tác đã đến thăm và khảo sát mô hình nuôi ốc bươu đen của các hộ dân tại ấp Cà Dăm. Tham gia đoàn có đồng chí Võ Văn Đạt, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã; đồng chí Đinh Hữu Tăng, Trưởng Ban Xây dựng Đảng xã cùng lãnh đạo Văn phòng Đảng ủy xã.



Lãnh đạo xã đi thăm và khảo sát mô hình

Những năm gần đây, bên cạnh các mô hình sản xuất truyền thống, người dân trên địa bàn xã Tràm Chim đã chủ động tìm tòi, thử nghiệm nhiều mô hình kinh tế mới nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống. Trong đó, mô hình nuôi ốc bươu đen tại ấp Cà Dăm đang nhận được sự quan tâm của người dân bởi có nhiều ưu điểm như chi phí đầu tư không quá cao, nguồn thức ăn dễ tìm và phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương.



Theo các hộ dân tham gia mô hình, hiện tại ấp Cà Dăm có 04 hộ nuôi ốc bươu đen. Trong quá trình nuôi, nguồn thức ăn chủ yếu là các loại bèo, rau, củ và các loại thực vật sẵn có tại địa phương. Việc tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên giúp giảm đáng kể chi phí sản xuất, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển mô hình theo hướng bền vững. Qua thực tế sản xuất, đại diện hộ nuôi Phạm Văn Hiệp, sinh năm 1965 cư ngụ tại địa phương có diện tích nuôi khoảng 4.000 m² trong các ruộng của khu vườn rộng 11.000 m² trồng xoài, mít, dừa... Ông Hiệp cho biết ốc bươu đen có thời gian sinh trưởng trung bình từ 4 đến 5 tháng; khi đạt kích cỡ thương phẩm khoảng 30 - 40 con/kg, ốc có thể xuất bán cho các chợ, nhà hàng hoặc các cơ sở thu mua trên địa bàn và các địa phương lân cận; hiện giá ốc bươu đen thương phẩm dao động từ 50.000 đến 60.000 đồng/kg, trung bình 01 tháng xuất bán được 100 kg, sau khi trừ chi phí thu về số tiền khoảng 5 - 6 triệu đồng mỗi tháng mang lại nguồn thu nhập khác cho người nuôi ốc.

Bên cạnh những thuận lợi, các hộ dân cũng chia sẻ rằng chất lượng và năng suất ốc thương phẩm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như môi trường nước, quy trình chăm sóc và đặc biệt là chất lượng con giống. Trong đó, việc lựa chọn nguồn giống có xuất xứ rõ ràng, khỏe mạnh và được nhân từ đàn ốc bố mẹ chất lượng là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của mô hình. Do đó, người dân mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật từ các ngành chuyên môn để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Qua khảo sát thực tế, ông Trần Thanh Nam đánh giá cao tinh thần mạnh dạn chuyển

đổi, tìm kiếm mô hình sản xuất phù hợp của người dân ấp Cà Dăm. Ông cho rằng mô hình nuôi ốc bươu đen bước đầu cho thấy nhiều triển vọng, phù hợp với điều kiện tự nhiên cũng như khả năng đầu tư của người dân địa phương.

Đồng thời đề nghị các ngành chuyên môn tiếp tục quan tâm hỗ trợ về kỹ thuật, theo dõi chặt chẽ quá trình phát triển của mô hình, đánh giá hiệu quả về năng suất, chất lượng và đầu ra sản phẩm để có cơ sở định hướng phát triển trong thời gian tới./.



KHOI THÔNG MÃ SỐ VÙNG TRỒNG ĐỂ NÂNG TẦM GIÁ TRỊ CÂY SEN VÙNG BIÊN

 *Phùng Thủy – Trung tâm CUDVC xã Tân Hộ Cơ*

 iữa những cánh đồng sen xanh ngát đang vào mùa thu hoạch, từng chuyến xe chở hạt sen, lá sen, nhụy sen nối nhau rời vùng nguyên liệu để phục vụ chế biến và xuất khẩu. Không chỉ là biểu tượng của quê hương Đất Sen hồng, cây sen đang từng bước khẳng định vị thế là ngành hàng có giá trị kinh tế cao, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Tân Hộ Cơ



Hiện nay, Công ty TNHH Biên Cương Xanh, tại xã Tân Hộ Cơ, đã xây dựng vùng nguyên liệu sen khoảng 80 ha, liên kết sản xuất với nông dân để phát triển chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến. Doanh nghiệp đang cung ứng nhiều sản phẩm như hạt sen sấy khô, hạt sen tươi cấp đông, nhụy sen, lá sen và các sản phẩm chế biến từ cây sen. Các sản phẩm ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong nước, đồng thời từng bước hướng đến xuất khẩu sang các thị trường có yêu cầu cao về chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

Tuy nhiên, để ngành hàng sen phát triển bền vững và mở rộng thị trường xuất khẩu, doanh nghiệp vẫn đang gặp những "điểm nghẽn" quan trọng. Trong đó, chưa được cấp mã số vùng trồng và chưa có cơ sở đóng gói đáp ứng yêu cầu xuất khẩu là hai điều kiện then chốt đối với nhiều thị trường nhập khẩu. Đây cũng là yếu tố quyết định khả năng truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và nâng cao giá trị sản phẩm.

Theo các chuyên gia, việc xây dựng và cấp mã số vùng trồng không chỉ đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu mà còn góp phần chuẩn hóa quy trình sản xuất, quản lý tốt việc sử dụng vật tư nông nghiệp, ghi chép nhật ký sản xuất và kiểm soát an toàn thực phẩm. Khi kết hợp với cơ sở đóng gói đạt chuẩn, toàn bộ chuỗi sản xuất - thu hoạch - sơ chế - đóng gói sẽ được quản lý đồng bộ, đáp ứng yêu cầu về kiểm dịch thực vật và truy xuất nguồn gốc của các nước nhập khẩu. Đây là nền tảng quan trọng để hình thành chuỗi liên kết bền vững giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người trồng sen.

Một lợi thế nổi bật của cây sen là gần như mọi bộ phận của cây đều có thể tạo ra giá trị kinh tế. Hạt sen được chế biến thành nhiều sản phẩm thực phẩm; nhụy sen dùng sản xuất trà; lá sen phục vụ chế biến thực phẩm và dược liệu; ngó sen tiêu thụ tươi; hoa sen phục vụ du lịch, ẩm thực và các hoạt động văn hóa; thân, củ và các phụ phẩm khác tiếp tục được nghiên cứu, chế biến thành nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng. Việc khai thác toàn diện các bộ phận của cây sen theo hướng kinh tế tuần hoàn không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên mà còn góp phần tăng thu nhập cho người sản xuất.

Xác định cây sen là một trong những ngành hàng có nhiều tiềm năng phát triển, Ủy ban nhân dân xã Tân Hộ Cơ đang tập trung chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phối hợp với ngành nông nghiệp, doanh nghiệp và người dân xây dựng vùng nguyên liệu sen tập trung, từng bước hoàn thiện các điều kiện về truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói

Cùng với đó, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nông dân sản xuất theo quy trình an toàn, nâng cao ý thức tuân thủ các yêu cầu về chất lượng, truy xuất nguồn gốc; đồng thời tăng cường liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đây là những yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm sen Tân Hộ Cơ nói riêng, sen Đồng Tháp nói chung.

Theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP, các quy định liên quan đến cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói được cải cách theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường công tác hậu kiểm. Những cải cách này được kỳ vọng giúp giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục, tạo thuận lợi cho nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong quá trình hoàn thiện vùng nguyên liệu và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Đối với Tân Hộ Cơ, việc hoàn thiện mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói không chỉ mang ý nghĩa về mặt thủ tục mà còn là bước quan trọng trong chuẩn hóa vùng nguyên liệu, nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc và xây dựng chuỗi giá trị ngành hàng sen. Khi vùng nguyên liệu được tổ chức bài bản, sản phẩm được kiểm soát về chất lượng và có khả năng truy xuất, doanh nghiệp sẽ có thêm cơ sở mở rộng liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ, từng bước tiếp cận những thị trường có yêu cầu cao.

Với lợi thế là địa bàn vùng biên, cùng sự vào cuộc của chính quyền, ngành nông nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân, cây sen Tân Hộ Cơ có nhiều điều kiện để phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với chế biến và thị trường. Khởi thông mã số vùng trồng chính là khởi thông một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị, tạo nền tảng để nâng tầm thương hiệu Sen Đồng Tháp, mở rộng thị trường và góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân vùng biên./.



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NÔNG SẢN ĐỒNG THÁP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

✍️ Võ Ngọc Thúy - Phòng Khuyến nông

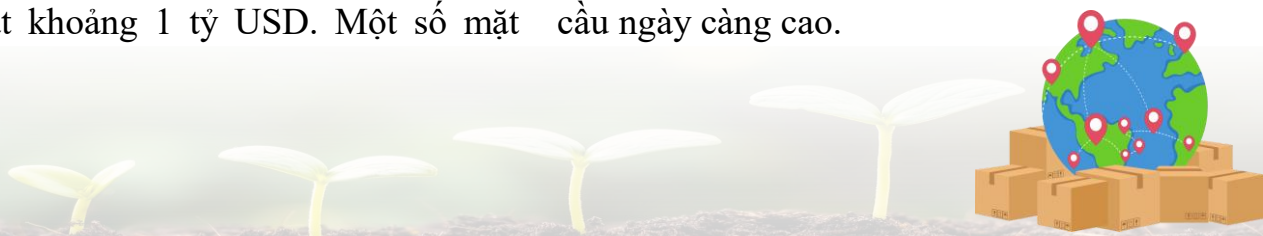
Thị trường xuất khẩu nông sản ngày càng đặt ra yêu cầu cao về chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật và tính minh bạch trong quá trình sản xuất. Đối với Đồng Tháp – địa phương có nhiều ngành hàng nông nghiệp chủ lực – việc nâng cao chất lượng sản phẩm ngay từ khâu sản xuất có ý nghĩa quan trọng, giúp giảm rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Theo định hướng phát triển nông nghiệp, Đồng Tháp đang chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, lấy thị trường làm định hướng, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Các ngành hàng chủ lực như cây ăn trái, hoa kiểng, cá tra được định hướng phát triển theo quy mô lớn, gắn với tiêu chuẩn an toàn, GAP, hữu cơ, truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ.



Trong đó, Trung Quốc tiếp tục là một trong những thị trường quan trọng đối với nông sản Việt Nam. Tháng 4/2026, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 243,1 triệu USD, chiếm 45,5% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả; lũy kế 4 tháng đầu năm đạt khoảng 1 tỷ USD. Một số mặt

hàng trái cây có thể mạnh của Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục có kim ngạch đáng kể như sầu riêng 57 triệu USD, mít 36,2 triệu USD và xoài 23,9 triệu USD. Tuy nhiên, mức tăng trưởng giữa các mặt hàng không đồng đều, cho thấy thị trường xuất khẩu luôn có sự biến động và yêu cầu ngày càng cao.





Đáng chú ý, Trung Quốc đang tiếp tục hoàn thiện các quy định quản lý đối với thực phẩm nhập khẩu. Trong tháng 5/2026, Văn phòng SPS Việt Nam đã phổ biến “Sổ tay hướng dẫn sử dụng Hệ thống đăng ký quản lý doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu” trên nền tảng CIFER của Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Hệ thống này quản lý nhiều nội dung từ đăng ký mới, sửa đổi, gia hạn, hủy đăng ký đến tra cứu tình trạng hồ sơ.

Đối với một số nhóm thực phẩm xuất khẩu, cơ sở sản xuất phải được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu đề xuất đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong đó có rau tươi, rau sấy khô, đậu khô, các loại hạt, thủy sản, gia vị và một số nhóm sản phẩm nông nghiệp khác. Đặc biệt, hồ sơ đối với lĩnh vực trồng trọt yêu cầu khai báo thông tin về tình hình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và quy trình sản xuất. Điều này cho thấy yêu cầu của thị trường không chỉ tập trung vào sản phẩm cuối cùng mà đã đi sâu vào kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất.

Từ thực tế trên, người sản xuất cần chuyển từ sản xuất theo kinh nghiệm sang sản xuất có kiểm soát. Việc lựa chọn giống phù hợp, áp dụng đúng quy trình kỹ thuật, sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật hợp lý, thực hiện

nguyên tắc “4 đúng”, bảo đảm thời gian cách ly và áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) cần được thực hiện thường xuyên. Đồng thời, cần tăng cường sử dụng phân hữu cơ, giảm dần phụ thuộc vào phân bón hóa học, hướng đến sản xuất an toàn, sinh thái và bền vững.

Ghi chép nhật ký sản xuất phải được xem là một bộ phận của quy trình sản xuất chứ không chỉ thực hiện khi có yêu cầu kiểm tra. Các thông tin về giống, vật tư sử dụng, thời gian chăm sóc, tình hình sâu bệnh, biện pháp xử lý và thời điểm thu hoạch cần được ghi chép, lưu trữ đầy đủ. Đây là cơ sở để kiểm soát chất lượng, phục vụ truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, thị trường xuất khẩu.

Đối với nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và cơ sở sản xuất, không nên chờ đến khi có đơn hàng xuất khẩu mới bắt đầu hoàn thiện quy trình. Tổ chức vùng sản xuất tập trung, xây dựng mã số vùng trồng, kiểm soát vật tư đầu vào, ghi chép nhật ký, thu hoạch đúng độ chín, phân loại, sơ chế và bảo quản phải được thực hiện ngay từ đầu. Khi quy trình sản xuất được chuẩn hóa, người dân sẽ thuận lợi hơn trong liên kết với doanh nghiệp, duy trì mã số vùng trồng và đáp ứng yêu cầu của các thị trường có tiêu chuẩn cao.





Bên cạnh kỹ thuật sản xuất, người dân cần chủ động cập nhật thông tin thị trường, không mở rộng diện tích chỉ dựa trên giá bán tại một thời điểm. Quyết định sản xuất cần dựa trên nhu cầu thị trường, tiêu chuẩn của doanh nghiệp thu mua, khả năng tiêu thụ và yêu cầu của từng thị trường xuất khẩu.

Trong quá trình này, hệ thống khuyến nông giữ vai trò quan trọng trong việc chuyển các yêu cầu của thị trường thành những nội dung kỹ thuật cụ thể, dễ hiểu và dễ áp dụng. Thông qua tập huấn, mô hình trình diễn, tư vấn tại hiện trường và thông tin tuyên truyền, cán bộ khuyến nông cần phối hợp với ngành chuyên môn, hợp tác xã và doanh nghiệp hướng dẫn người dân sản xuất theo quy trình, quản lý vật tư đầu vào, ghi chép nhật ký, bảo đảm an toàn thực phẩm và nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc.

Đồng thời, cần tăng cường phổ biến các quy định mới của thị trường xuất khẩu, trong đó có những yêu cầu liên quan đến hệ thống CIFER, để doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất chủ động chuẩn bị hồ sơ, hoàn thiện điều kiện sản xuất và hạn chế sai sót trong quá trình đăng ký.

Có thể thấy, thị trường Trung Quốc tiếp tục mở ra nhiều cơ hội cho nông sản Việt Nam

nói chung và Đồng Tháp nói riêng, nhưng cơ hội chỉ có thể được duy trì khi sản phẩm đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch và minh bạch thông tin. Đây vừa là thách thức, vừa là động lực để ngành nông nghiệp và người sản xuất thay đổi phương thức canh tác theo hướng chuyên nghiệp, chuẩn hóa và gắn chặt với thị trường.

Với vai trò đồng hành cùng nông dân, Trung tâm Khuyến nông cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, cập nhật thông tin thị trường và các quy định mới; hỗ trợ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác từng bước chuẩn hóa quy trình sản xuất. Kiểm soát tốt từ đồng ruộng, minh bạch trong sản xuất và chủ động đáp ứng yêu cầu thị trường sẽ là nền tảng để nông sản Đồng Tháp nâng cao giá trị, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững./.



DU LỊCH NÔNG NGHIỆP ĐỒNG THÁP - KHI RUỘNG ĐỒNG, VƯỜN CÂY TRỞ THÀNH ĐIỂM ĐẾN

Hải Lý - Trung tâm Khuyến nông và DVNN

Một trong những cách làm rõ nét là đưa du khách trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất. Tại vùng đệm Vườn quốc gia Tràm Chim, chương trình “Trải nghiệm một ngày làm nông dân mùa gặt” là một ví dụ sinh động. Du khách được trực tiếp gặt lúa, đập lúa thủ công, bắt cá, chăn vịt và trải nghiệm những công việc vốn gắn liền với đời sống nông dân vùng Đồng Tháp Mười. Từ một hoạt động tham quan, du khách có cơ hội hiểu hơn về giá trị của hạt gạo, sự vất vả của nghề nông và phương thức sản xuất lúa sinh thái gắn với bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

Cũng từ đặc trưng mùa nước nổi, mô hình trữ cá mùa lũ kết hợp du lịch sinh thái tại xã Phú Thọ mở ra một cách khai thác từ hệ sinh thái nông nghiệp. Cá được giữ lại trong khu vực sản xuất vào mùa lũ, vừa tạo nên không gian trải nghiệm đặc trưng của vùng sông nước. Du khách có thể tìm hiểu đời sống sản xuất của mùa nước nổi, trải nghiệm các hoạt động gắn với đánh bắt, thu hoạch thủy sản và thưởng thức những sản vật đặc trưng. Mô hình cho thấy mùa lũ không chỉ được nhìn nhận dưới góc độ sản xuất mà còn có thể trở thành một phần của sản phẩm du lịch sinh thái, gắn với

Đồng Tháp là vùng đất giàu bản sắc nông nghiệp, với những cánh đồng lúa trải dài, vườn cây ăn trái, làng hoa kiểng và nhiều sản phẩm đặc trưng gắn với đời sống người dân. Trong những năm gần đây, cùng với sự thay đổi trong tư duy phát triển từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”, những giá trị vốn có của nông nghiệp đang được khai thác theo hướng đa dạng hơn. Không chỉ tạo ra nông sản, ruộng đồng, vườn cây và nghề truyền thống còn trở thành không gian trải nghiệm, góp phần hình thành các sản phẩm du lịch nông nghiệp.

cảnh quan, văn hóa và sinh kế của người dân địa phương.

Nếu Tràm Chim và Phú Thọ mang đến trải nghiệm gắn với đồng ruộng, mùa vụ và hệ sinh thái sông nước thì Tiệm cà phê Hai Ôi lại khai thác vẻ đẹp bình dị của cánh đồng lúa theo một cách khác. Không gian thưởng thức được đặt giữa đồng ruộng, tạo điều kiện để du khách vừa thư giãn vừa quan sát cảnh quan sản xuất. Từ một diện tích đất nông nghiệp quen thuộc, mô hình mở thêm giá trị về không gian trải nghiệm và cảm nhận về đẹp của nông thôn.



Tham quan trải nghiệm các hoạt động đánh bắt, thu hoạch thủy sản



Vườn nho và vườn chà là – điểm mới của Đồng Tháp

Tại các khu vườn, những mô hình như Vườn nho Phước Điền, Vườn Nho Ba Tuấn, Vườn Xoài The Mango Trail và các vườn chà là tạo thêm những sản phẩm trải nghiệm mới. Du khách có thể tham quan, tìm hiểu quá trình chăm sóc, thu hoạch và thưởng thức sản phẩm tại vườn. Mỗi loại cây trồng, với đặc điểm riêng về mùa vụ, cảnh quan và sản phẩm, đều có thể tạo nên một câu chuyện trải nghiệm riêng.

Tại Sa Đéc, nghề trồng hoa kiểng truyền thống được kết hợp với tham quan và trải nghiệm tại các điểm như Miền Tây Lodge, Senta Farm, Khu du lịch hoa kiểng Sa Đéc, Thiên đường sắc hoa Duyên Nhứt. Du khách không chỉ thưởng ngoạn hoa mà còn trải nghiệm làm bonsai, tìm hiểu nghề trồng hoa, kỹ thuật chăm sóc và đời sống của người làm nghề. Trong khi đó tại Lai Vung, vào mùa thu hoạch, các vườn quýt hồng Lai Vung trở thành điểm đến đặc trưng, giúp du khách tham quan, thưởng thức và mua sản phẩm trực tiếp tại vườn.

Điểm chung của các mô hình là lấy sản xuất nông nghiệp làm nền tảng để tạo thêm giá trị về cảnh quan, trải nghiệm, văn hóa và dịch vụ. Một

cánh đồng lúa không chỉ tạo ra hạt gạo; vùng đất mùa lũ không chỉ cung cấp thủy sản; vườn xoài, vườn nho, vườn chà là không chỉ tạo ra trái cây; làng hoa không chỉ cung cấp hoa kiểng. Phía sau mỗi sản phẩm còn có mùa vụ, kỹ thuật sản xuất, văn hóa và câu chuyện của người nông dân.

Khi những giá trị riêng của từng vùng được kết nối, du khách có thể trải nghiệm một Đồng Tháp đa dạng: Tràm Chim với mùa gặt và hệ sinh thái đồng ruộng; Phú Thọ với mùa nước nổi; Cao Lãnh với xoài và các vườn cây; những vườn nho, vườn chà là tạo sự mới lạ; Sa Đéc với hoa kiểng; Lai Vung với quýt hồng. Từ đó, du lịch nông nghiệp không chỉ là hoạt động tham quan mà còn trở thành một phần của chuỗi giá trị nông nghiệp.

Từ “ruộng đồng” đến “điểm đến”, từ “nông sản” đến “trải nghiệm”, du lịch nông nghiệp đang mở rộng không gian giá trị của nông nghiệp Đồng Tháp. Đây là hướng phát triển phù hợp với kinh tế nông nghiệp, góp phần nâng cao giá trị nông sản, đa dạng hóa sinh kế, quảng bá sản phẩm địa phương và tạo thêm sức sống mới cho nông thôn./.



NÔNG NGHIỆP THỚI SƠN - GẮN LIỀN VỚI DU LỊCH SINH THÁI

*✍ Lê Thị Hồng Diệp - Trung tâm CUDVC
phường Thới Sơn*

Nằm giữa dòng sông Tiền hiền hòa, phường Thới Sơn được thiên nhiên ưu đãi với hệ sinh thái miệt vườn đặc trưng cùng hơn 535 ha đất nông nghiệp màu mỡ. Đây là vùng trồng nhiều loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao như bưởi da xanh, nhãn, mít, dừa, măng cụt, xoài... Không chỉ tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân, những vườn cây xanh tốt còn trở thành lợi thế nổi bật để phát triển du lịch sinh thái, góp phần hình thành thương hiệu du lịch đặc trưng của cù lao Thới Sơn.

Hiện nay, Thới Sơn có 15 điểm du lịch sinh thái và 03 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, tạo nên hệ sinh thái du lịch gắn với nông nghiệp ngày càng phong phú. Định hướng phát triển này không chỉ khai thác giá trị của tài nguyên bản địa mà còn mở ra hướng đi bền vững, giúp nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp thông qua các hoạt động trải nghiệm, dịch vụ và quảng bá hình ảnh địa phương.

Nhằm phát huy hiệu quả tiềm năng sẵn có, những năm gần đây, phường Thới Sơn đã tập trung triển khai nhiều chương trình, mô hình khuyến nông, hỗ trợ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Đặc biệt, việc phát triển du lịch cộng đồng gắn với sản xuất nông nghiệp được cụ thể hóa bằng nhiều chủ trương, nghị quyết và kế hoạch quan trọng như:

Nghị quyết số 17-NQ/ĐU ngày 29/01/2026 của Đảng ủy phường Thới Sơn về phát triển các mô hình du lịch cộng đồng đặc trưng gắn với nông nghiệp, xây dựng tuyến du lịch kết nối liên phường trên cù lao Thới Sơn giai đoạn 2025 - 2030; Chương trình hành động số 38-CTr/ĐU ngày 26/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Thới Sơn về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "Hai con số" giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 991/KH-UBND ngày

09/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Thới Sơn về phát triển du lịch năm 2026. Đây là những định hướng quan trọng nhằm từng bước đưa nông nghiệp trở thành nền tảng để phát triển du lịch bền vững.

Nông nghiệp Thới Sơn mang đậm dấu ấn của vùng đất phù sa. Những vườn cây ăn trái xanh mướt, trĩu quả trải dài ven các con rạch nhỏ không chỉ cung cấp nông sản chất lượng cho thị trường mà còn trở thành những "điểm đến xanh" hấp dẫn du khách. Đến với Thới Sơn, du khách không chỉ tham quan vườn, tự tay thu hoạch trái cây và thưởng thức tại chỗ mà còn được hòa mình vào không gian miệt vườn bình dị, cảm nhận nhịp sống lao động của người dân địa phương.



Ẩm thực đậm vị miền tây

Giá trị đặc sắc của du lịch Thới Sơn không nằm ở những công trình hiện đại mà được tạo nên từ chính đời sống sản xuất nông nghiệp. Từ những chuyến xuồng ba lá len lỏi qua rạch dừa nước, tiếng đờn ca tài tử vang lên giữa vườn cây, những trại nuôi ong lấy mật, cơ sở làm đặc sản truyền thống đến các món ăn dân dã đậm hương vị miền Tây... tất cả đều bắt nguồn từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt thường nhật của người dân. Chính sự chân thực ấy đã tạo nên sức hút riêng cho du lịch Thới Sơn, nơi mỗi người dân vừa là người nông dân, vừa là người làm du lịch.



Song song với phát triển du lịch, phường Thới Sơn còn chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Nhiều mô hình sản xuất tiên tiến được triển khai và nhân rộng như hệ thống tưới nước thông minh điều khiển bằng điện thoại, mô hình trồng bưởi da xanh theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất an toàn gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển nông nghiệp hữu cơ và xây dựng các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm. Những mô hình này không chỉ nâng cao năng suất, chất lượng nông sản mà còn góp phần tạo nên những điểm tham quan, trải nghiệm hấp dẫn cho du khách.

Đặc biệt, các chương trình trải nghiệm như Farm Trip – Một ngày làm nông dân đang từng bước trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc của địa phương. Tại đây, du khách được trực tiếp chăm sóc cây trồng, thu hoạch trái cây, câu cá, chế biến và thưởng thức các món ăn truyền thống ngay trong khu vườn. Thông qua những trải nghiệm thực tế, du khách hiểu hơn về giá trị của lao động nông nghiệp, văn hóa miệt vườn và lối sống gần gũi với thiên nhiên của người dân Thới Sơn.

Cùng với đó, chuyển đổi số đang tạo thêm động lực mới cho quá trình phát triển nông nghiệp và du lịch địa phương. Các nền tảng số như YouTube, Facebook, Zalo được khai thác hiệu quả để quảng bá hình ảnh điểm đến, giới thiệu sản phẩm OCOP, đặc sản địa phương, các mô hình sản xuất tiêu biểu và những câu chuyện về con người Thới Sơn. Việc đổi mới nội dung, đa dạng hình thức truyền thông số không chỉ góp phần nâng cao khả năng tiếp cận du khách mà còn mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, từng bước xây dựng thương hiệu nông nghiệp - du lịch Thới Sơn trên môi trường số.

Với định hướng lấy nông nghiệp làm nền tảng, lấy du lịch làm động lực và lấy chuyển đổi số làm phương thức phát triển, Thới Sơn đang từng bước hình thành mô hình nông nghiệp đa giá trị, nơi mỗi khu vườn không chỉ tạo ra nông sản mà còn tạo ra những trải nghiệm, những giá trị văn hóa và sinh kế bền vững cho người dân. Đây cũng là hướng đi phù hợp với xu thế phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển du lịch bền vững, góp phần đưa hình ảnh cù lao Thới Sơn ngày càng vươn xa trên bản đồ du lịch Đồng bằng sông Cửu Long./.



Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật Hệ thống tưới thông minh vào sản xuất nông nghiệp



NGƯỜI NÔNG DÂN CHUYÊN NGHIỆP - GÓP SỨC DỰNG XÂY QUÊ HƯƠNG

Ở

ấp Đuôi Tôm, xã Tân Hộ Cơ, ông

Nguyễn Văn Hòa, Giám đốc Hợp tác xã Hòa Phát, được nhiều xã viên và người dân tin tưởng bởi sự năng động, trách nhiệm và tâm huyết với phát triển kinh tế tập thể.

HTX Hòa Phát hiện có 80 thành viên, 793 cổ phần, vốn góp 793 triệu đồng và vốn điều lệ 1,2 tỷ đồng. Trong năm 2025, HTX duy trì hiệu quả các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là bơm tưới – tiêu trên khoảng 338 ha, tổng thu trên 1,35 tỷ đồng. HTX cũng từng bước mở rộng cung ứng giống, liên kết tiêu thụ sản phẩm và kết nối với doanh nghiệp, hướng đến nâng cao giá trị và ổn định đầu ra nông sản cho thành viên.

Với vai trò người đứng đầu, ông Nguyễn Văn Hòa không chỉ chú trọng phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX mà còn quan tâm đến lợi ích của xã viên và cộng đồng. Ông tích cực vận động người dân tham gia xây dựng, duy tu thủy lợi, đường giao thông nội đồng; xây dựng tuyến đường hoa gần 2 km tại ấp Đuôi Tôm, góp phần tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng.



Phùng Thị Thủy - Trung tâm CUDVC
xã Tân Hộ Cơ

Những kết quả đó có sự đồng hành, lãnh đạo, chỉ đạo và định hướng của Đảng ủy, UBND xã Tân Hộ Cơ. Địa phương luôn quan tâm cùng cố, phát triển kinh tế tập thể, định hướng HTX nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường liên kết sản xuất – tiêu thụ, ứng dụng khoa học kỹ thuật và huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất. Qua đó tạo điều kiện để HTX Hòa Phát hoạt động ngày càng hiệu quả, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tại Đại hội thường niên HTX Hòa Phát năm 2026, các thành viên thống nhất tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ bơm tưới – tiêu, hoàn thiện hệ thống thủy lợi, mở rộng liên kết với doanh nghiệp, phát triển thêm thành viên và các dịch vụ phù hợp với nhu cầu sản xuất.

Phát biểu tại Đại hội, ông Nguyễn Phước Sang, Phó Chủ tịch UBND xã Tân Hộ Cơ, ghi nhận những kết quả HTX đạt được và đề nghị HTX tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, đẩy mạnh liên kết sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm và thu nhập cho thành viên; qua đó góp phần thúc đẩy kinh tế tập thể và xây dựng địa phương ngày càng phát triển.

Từ những việc làm thiết thực, ông Nguyễn Văn Hòa đang thể hiện rõ vai trò của người nông dân chuyên nghiệp trong thời kỳ mới – không chỉ biết làm kinh tế, tổ chức sản xuất và liên kết thị trường, mà còn có trách nhiệm với cộng đồng. Những đóng góp của ông cùng tập thể HTX Hòa Phát đã góp phần làm cho ấp Đuôi Tôm ngày càng khởi sắc, xã Tân Hộ Cơ ngày càng phát triển, xây dựng quê hương xanh, sạch, đẹp và bền vững./.



KHUYẾN NÔNG ĐỒNG THÁP: ĐỒNG HÀNH CÙNG NHÀ NÔNG TIẾP CẬN CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN TẠI TRIỂN LÃM QUỐC TẾ NĂM 2026

 Đức Hiệp - Trung tâm Khuyến nông và & DVNN

Với vai trò là người đồng hành đáng tin cậy của nhà nông, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp luôn nỗ lực tạo điều kiện để cán bộ khuyến nông, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân tham quan học tập tại hai triển lãm quốc tế thủy sản lớn trong năm 2026: Aquaculture & Vietshrimp Asia và VietAgros. Hoạt động này nhằm thúc đẩy chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và kết nối cung - cầu, giúp người dân tiếp cận công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển thủy sản xanh, bền vững.

Từ ngày 11–13/3/2026, tại Trung tâm Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn (SECC), TP. Hồ Chí Minh, đoàn Đồng Tháp tham dự Aquaculture Vietnam và Vietshrimp Asia 2026. Triển lãm quy tụ hơn 200 đơn vị đến từ nhiều quốc gia, giới thiệu các giải pháp trong toàn bộ chuỗi giá trị thủy sản. Đoàn được tìm hiểu công nghệ nuôi thủy sản hiện đại, hệ thống quan trắc và xử lý môi trường nước, thiết bị nuôi thông minh, thức ăn, chế phẩm sinh học và các giải pháp quản lý ao nuôi, qua đó cập nhật xu hướng phát triển thủy sản xanh, hiện đại và bền vững.



Đón đầu xu hướng toàn cầu tại Aquaculture & Vietshrimp Asia 2026 (TP. Hồ Chí Minh)

Từ ngày 15–17/4/2026, tại TP. Cần Thơ, đoàn Đồng Tháp gồm đại diện Ban Giám đốc Trung tâm, cán bộ kỹ thuật cùng 50 nông dân, hợp tác xã tiêu biểu tham quan VietAgros 2026 – Hội chợ triển lãm quốc tế công nghệ nông nghiệp và môi trường. Các đại biểu tiếp cận nhiều giải pháp về cơ giới hóa, công nghệ nuôi thủy sản, xử lý và quan trắc môi trường, chế phẩm sinh học, công nghệ nuôi thông minh và quản lý sản xuất trên nền tảng số. Qua trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp, chuyên gia, nông dân có thêm thông tin về quy trình ứng dụng, hiệu quả đầu tư và khả năng áp dụng vào thực tế sản xuất.



Tiếp cận giải pháp xanh tại VietAgros 2026 (TP. Cần Thơ)

Tiếp đó, ngày 23/7/2026, đoàn cán bộ nông nghiệp và nông dân tiêu biểu các xã Thạnh Phú, Mỹ Phước Tây, Vĩnh Bình, Vĩnh Hựu và Đồng Sơn tham quan Triển lãm Công nghệ Máy móc Nông nghiệp Quốc tế Việt Nam 2026 (CIAME ASIA VIETNAM 2026) tại Trung tâm Triển lãm Sky Expo, TP. Hồ Chí Minh. Đoàn được trực tiếp tìm hiểu các dòng máy kéo, máy làm đất, máy gieo cấy, máy thu hoạch; thiết bị bay không người lái (drone), cảm biến IoT, giải pháp nông nghiệp thông minh, cùng công nghệ sấy và bảo quản sau thu hoạch



Nền tảng kết nối chuỗi giá trị toàn diện tại CIAME Asia Vietnam 2026 (TP. Hồ Chí Minh)

Đặc biệt, việc trao đổi trực tiếp với các kỹ sư, doanh nghiệp giúp nông dân hiểu rõ hơn về tính năng, quy trình vận hành, chi phí đầu tư và bảo dưỡng thiết bị.

Thông qua chuỗi hoạt động tham quan, học tập tại các triển lãm, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp tiếp tục phát huy vai trò cầu nối giữa nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân. Việc chủ động tiếp cận công nghệ mới góp phần nâng cao năng lực của cán bộ khuyến nông, giúp nông dân lựa chọn giải pháp phù hợp, đẩy mạnh cơ giới hóa, chuyển đổi số và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hướng đến nền nông nghiệp xanh, hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Một số hình ảnh hoạt động nông nghiệp



Đào tạo ToT “Quản lý tổng hợp sâu bệnh hại dừa và ứng dụng công cụ số CABI”



Đoàn Nippon Foundation thăm mô hình ủ phân hữu cơ Tổ chức Seed to Table



Tham dự triển lãm Aquaculture Vietnam 2026



Mô hình trình diễn phân bón trên cây rau



Tham dự Hội chợ triển lãm quốc tế Công nghệ nông nghiệp và Môi trường



Mô hình trình diễn phân bón trên cây ăn trái

Một số hình ảnh hoạt động nông nghiệp



Triển khai mô hình tại Phường Sa Đéc



Vườn ươm dừa giống tại Trại Thực nghiệm và Dịch vụ nông nghiệp Vĩnh Hựu



Trồng dưa lưới trong nhà màng của Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp



Nuôi ếch thương phẩm tại Trại Thực nghiệm và Dịch vụ nông nghiệp Hòa Hưng



Nuôi cá trê vàng trong hệ thống thủy canh tuần hoàn tại Văn phòng Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp



Nuôi vồ cua biển từ cua ốp lên cua thịt trong hộp bằng công nghệ tuần hoàn nước (GAS) tại Văn phòng Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp